

**TÁI CẤU TRÚC TOÀN DIỆN
ĐỂ CHUẨN BỊ CHO
GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI**



COI TRỌNG LỢI ÍCH KHÁCH HÀNG



Chúng tôi luôn xem thành công của khách hàng chính là thành công của Rong Việt. Chúng tôi luôn nỗ lực làm hài lòng khách hàng với dịch vụ đa dạng, hoàn hảo và đội ngũ nhân sự giàu năng lực, tận tâm và chuyên nghiệp

MỤC LỤC



-
- 1-2 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
 - 3-4 Thông điệp của CTHĐQT
 - 5 Sự kiện nổi bật trong năm 2011
 - 6 Giải thưởng thương hiệu
 - 7-8 Thông tin tổng quan
 - 9-10 Chặng đường phát triển
 - 11 Định hướng phát triển



-
- 13-14 Sơ đồ tổ chức
 - 15-16 Tổ chức nhân sự
 - 17-18 Hội đồng Quản trị
 - 19-20 Ban Kiểm soát
 - 21-22 Ban Điều hành
 - 23-24 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
 - 25 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
 - 32 Báo cáo của Ban Kiểm soát
 - 33 Quản trị doanh nghiệp
 - 37-38 Thông tin cổ đông
 - 39-40 Quan hệ Nhà đầu tư



-
- 42 Báo cáo tài chính

SỨ MỆNH



Tập thể Rong Viet không ngừng suy nghĩ và hành động nhằm tạo ra giá trị cao nhất cho khách hàng, cổ đông và người lao động, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, chúng tôi mong muốn chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng và xã hội trong quá trình phát triển đất nước.

TẦM NHÌN



Rong Viet phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng đầu tư hàng đầu và tốt nhất Việt Nam.



Giá trị cốt lõi

Coi trọng lợi ích khách hàng

Uy tín

Chuyên nghiệp

Sáng tạo

Hiệu quả



GIÁ TRỊ CỐT LỖI

Tất cả các thành viên Rong Việt cam kết giữ gìn các giá trị cốt lõi của công ty và xem đó là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của mình:

Coi trọng lợi ích khách hàng:

Chúng tôi luôn xem thành công của khách hàng chính là thành công của Rong Việt. Chúng tôi luôn nỗ lực làm hài lòng khách hàng với dịch vụ đa dạng, hoàn hảo và đội ngũ nhân sự giàu năng lực, tận tâm và chuyên nghiệp

Uy tín:

Chúng tôi hiểu rằng uy tín là yếu tố cốt lõi tạo dựng thành công và tích lũy những giá trị vững bền cho Rong Việt.

Chuyên nghiệp:

Chúng tôi luôn mong muốn cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng cho quý khách hàng với mức độ chuyên nghiệp cao nhất.

Sáng tạo:

Chúng tôi học hỏi từ những kinh nghiệm của bản thân và thực tiễn trên thị trường chúng khoán để sáng tạo những giải pháp tốt nhất phục vụ quý khách hàng.

Hiệu quả:

Tất cả các hoạt động của chúng tôi nhằm mang lại hiệu quả và giá trị cao nhất cho khách hàng, cổ đông và người lao động.



Ông Phạm Hữu Phú - Chủ tịch HĐQT Rong Việt

KÍNH THƯA QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG, QUÝ KHÁCH HÀNG, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TOÀN THỂ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN,

Năm 2011 là một năm đầy khó khăn của kinh tế thế giới với việc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, khủng hoảng kinh tế Mỹ, thảm họa sóng thần tại Nhật Bản, kinh tế Trung Quốc bắt đầu trì trệ. Những khó khăn của kinh tế thế giới đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam khi tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2011 chỉ đạt mức 5,89%, giảm rõ rệt so với mức 6,78% của năm 2010. Đồng thời, tỷ giá USD/VND cùng hàng loạt các mặt hàng thiết yếu của nền kinh tế như xăng, dầu, điện tăng trên 10% từ đầu năm đã đẩy lạm phát năm 2011 ở mức rất cao với CPI bình quân năm 2011 tăng 18,58% so với năm 2010.

Với những bất ổn từ kinh tế thế giới và những yếu tố nội tại của nền kinh tế Việt Nam như lạm phát tăng cao cùng với chính sách thắt chặt tiền tệ, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm khó khăn

và suy thoái nghiêm trọng. Kết thúc năm, VN-Index, HNX-Index và Upcom-Index lần lượt đạt 351,55 điểm; 58,74 điểm và 33,76 điểm, giảm tương ứng 27,46%; 48,58% và 25,29% so với cuối năm 2010. Trong đó, mức cao nhất của chỉ số VN-Index và HNX-Index rơi vào tháng 1/2011 là 510,6 điểm và 106,63 điểm. Giá trị giao dịch bình quân ngày tại ba sàn chỉ đạt 1.029 tỷ đồng/ngày, chỉ bằng 40% so với năm 2011.

Trong bối cảnh khó khăn đó, hoạt động kinh doanh của Rong Việt bị ảnh hưởng và lỗ khá nặng trong năm 2011. Để vượt qua khó khăn, Rong Việt đã triển khai tái cấu trúc toàn diện theo hướng tăng hiệu quả, thu hẹp mạng lưới hoạt động, tinh gọn bộ máy nhân sự và hạn chế chi phí ở mức thấp nhất. Đồng thời, Rong Việt vẫn tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ, nghiên cứu các sản phẩm và dịch vụ mới nhằm đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và đặc biệt là tăng cường công tác quản trị rủi ro nhằm chuẩn bị đương đầu với những khó khăn, thách thức mới và ở tư thế sẵn sàng đón nhận và tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh. Do vậy, mặc dù bị thua lỗ nhưng Rong Việt vẫn giữ



được sự ổn định trong các mặt hoạt động kinh doanh, từ đội ngũ nhân viên đến hệ thống khách hàng.

Đối với hoạt động môi giới, trong năm 2011, mặc dù doanh thu môi giới giảm mạnh do giá trị giao dịch bình quân chỉ bằng 40% so với năm 2010 nhưng Rong Viet đã phát triển thêm được gần 6.000 tài khoản khách hàng, đưa tổng số tài khoản khách hàng của Rong Viet vào cuối năm 2011 đạt mức hơn 53.000 tài khoản. Thị phần môi giới toàn thị trường đã có sự cải thiện khi đạt mức thị phần 1,73%, trong đó thị phần môi giới sàn HSX đạt khoảng 2%. Hoạt động đầu tư cũng đã được tái cơ cấu từ quan điểm đến việc triển khai các kế hoạch cụ thể. Trong các năm trước, với quan điểm đầu tư căn cứ vào nền tảng cơ bản của doanh nghiệp, Rong Viet đã có những khoản đầu tư với giá trị lớn vào các doanh nghiệp có hiệu quả hoạt động tốt, tiềm năng phát triển nhưng trong năm 2011, các doanh nghiệp này mặc dù vẫn duy trì được hiệu quả cao nhưng cổ phiếu lại mất thanh khoản trầm trọng, ảnh hưởng đến kế hoạch thanh toán của Rong Viet.

KÍNH THƯA QUÝ VỊ,

Bước sang năm 2012, tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam mặc dù vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng đang dần được cải thiện, lạm phát có khả năng được kiểm chế ở mức thấp, lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm, cùng với kế hoạch tái cấu trúc nền kinh tế, thị trường tài chính mà Chính phủ đang triển khai hy vọng sẽ góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường chứng khoán, đồng thời tạo ra nhiều cơ hội đầu tư cho các nhà đầu tư và các định chế tài chính trung gian. Năm 2012 cũng sẽ là năm bắt đầu của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới (2012 - 2016), với những kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn hoạt động hơn 5 năm qua, và những thay đổi không ngừng của môi trường kinh doanh trong thời gian tới, Hội đồng quản trị Rong Viet đã xác định một số định hướng chiến lược cho giai đoạn phát triển 2012 - 2016 như sau:

- Kiên trì định hướng xây dựng và phát triển Rong Viet trở thành một ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam trên cơ sở ba trụ cột chính: Môi giới - Ngân hàng đầu tư - Đầu tư tài chính.
- Nắm bắt cơ hội để tăng nhanh năng lực tài chính thông qua việc tìm kiếm các đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Tận dụng thế mạnh và sự hỗ trợ của các đối tác chiến lược để đẩy mạnh phát triển các sản phẩm và dịch vụ, phát triển quan hệ khách hàng để sớm đưa Rong Viet vào nhóm các công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Cấu trúc lại nguồn vốn, tài sản và cơ cấu thu nhập theo hướng đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ: môi giới, giao dịch ký quỹ, ngân hàng đầu tư nhằm đạt được sự hiệu quả, ổn định và an toàn. Cơ cấu nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tài chính ở mức hợp lý trên cơ sở nắm bắt được các cơ hội của thị trường để đạt được các mục tiêu hiệu quả cao, bảo toàn nguồn vốn.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm chuẩn bị cho những thay đổi của môi trường kinh doanh và phục vụ cho mục tiêu phát triển của công ty.
- Phân đầu đến năm 2014 có lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông.

Hội đồng quản trị chúng tôi cam kết là sẽ nỗ lực hết mình để hoàn thành sứ mệnh đưa Rong Viet trở thành một ngân hàng đầu tư hàng đầu của Việt Nam, hoạt động có hiệu quả. Để đạt được các mục tiêu trên, trong quá trình chỉ đạo điều hành, chúng tôi sẽ kết hợp thật hài hòa giữa lợi ích trước mắt với mục tiêu phát triển ổn định, bền vững; tiếp tục nỗ lực nắm bắt cơ hội và vượt qua thách thức khó khăn nhằm tối đa hóa giá trị công ty, gia tăng lợi ích cổ đông, mang đến thành công cho khách hàng, đối tác, người lao động và chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng và xã hội trong quá trình phát triển chung của nền kinh tế đất nước.

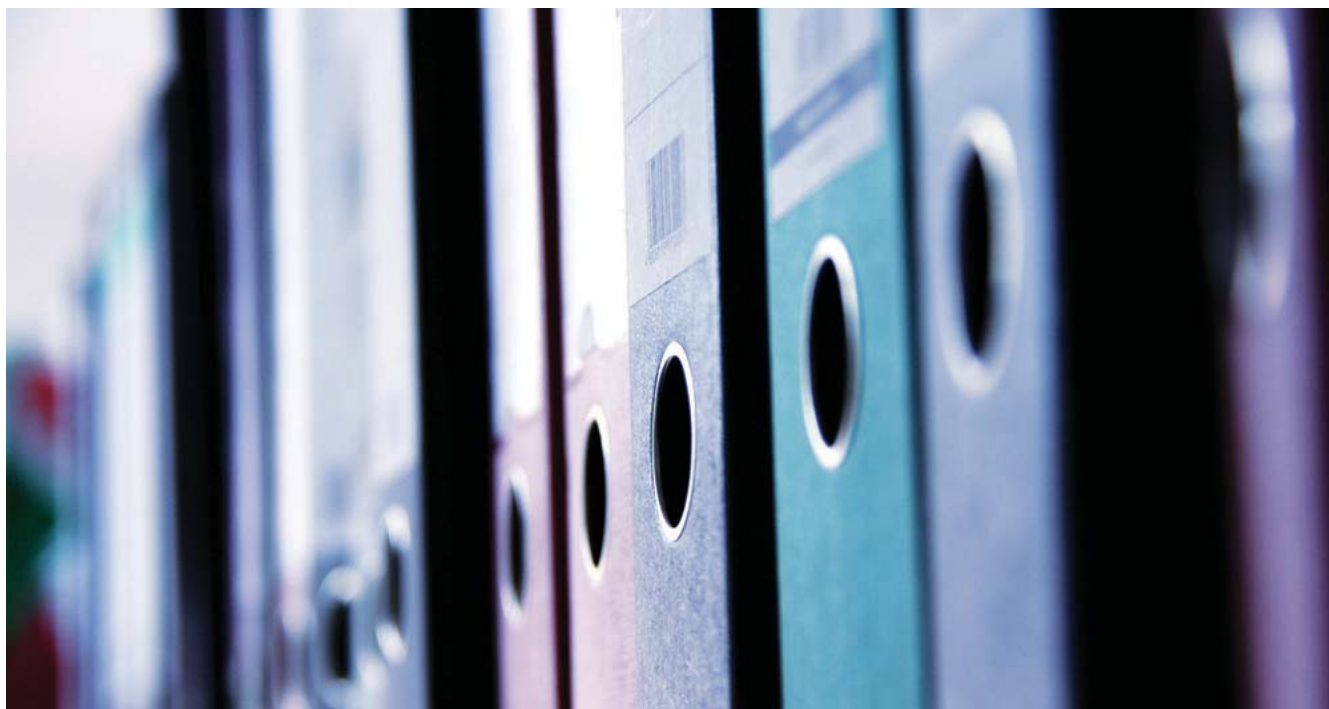
Chúng tôi trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến Quý cổ đông, Quý cơ quan quản lý, Quý đối tác, khách hàng đã luôn đồng hành và ủng hộ Rong Viet, cảm ơn toàn thể cán bộ, nhân viên Rong Viet vì những nỗ lực, sáng tạo và làm việc hết sức mình vì sự thành công của Rong Viet trong những năm vừa qua và mong rằng các bạn tiếp tục giữ vững tinh thần đó vì một Rong Viet ngày càng phát triển vững mạnh.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Phạm Hữu Phú



NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM



Ngày 1/11/2011, Rong Viet chính thức triển khai sản phẩm mới “Dịch vụ giao dịch ký quỹ” cho các nhà đầu tư.



Cơ cấu nguồn thu trong năm 2011 đã có sự thay đổi tích cực, phù hợp với định hướng điều chỉnh cơ cấu thu nhập theo hướng thu nhập từ hoạt động dịch vụ chứng khoán và môi giới ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập của Công ty đã được HĐQT đề ra từ năm 2010. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ chứng khoán đã có sự tăng trưởng mạnh, trong năm 2011 hoạt động này đạt 122 tỷ đồng, tăng 130% so với năm 2010 và vượt 13,54% kế hoạch đề ra.



Trong năm 2011, hoạt động công nghệ thông tin của Rong Viet đã thực hiện tốt các công tác quản lý hạ tầng, quản trị hệ thống giao dịch và phát triển ứng dụng. Hệ thống core đã hoạt động ổn định, Rong Viet đã tiến hành nâng cấp phiên bản mới cũng như phát triển các ứng dụng khác như Report Core, ghép tin nhắn SMS, xây dựng chương trình quản trị nhân sự, quản trị tài chính.



Tình hình nhân sự của toàn Công ty đã có sự biến động mạnh với số lượng tính đến cuối năm 2011 là 200 người, giảm 26,5% so với cùng kỳ năm 2010.



Năm 2011, Rong Viet cũng đã quyết định chấm dứt hoạt động Chi nhánh Sài Gòn nhằm sắp xếp lại mạng lưới hoạt động, tập trung sức mạnh tại Hội sở và tiết giảm chi phí hoạt động.

RỒNG VIỆT ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU



Giải thưởng “Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2011”

Giải thưởng “**Thương hiệu chứng khoán uy tín - 2010**” và Danh hiệu “**Công ty đại chúng tiêu biểu**”; nhận giải thưởng Cúp vàng “**Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam**” – Lần 3



Giải thưởng “**Thương hiệu chứng khoán uy tín - 2009**” và Danh hiệu “**Công ty đại chúng tiêu biểu**”; nhận giải thưởng Cúp vàng “**Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam**” – Lần 2



Giải thưởng “**Thương hiệu chứng khoán uy tín - 2008**” và Danh hiệu “**Công ty đại chúng tiêu biểu**”; nhận giải thưởng Cúp vàng “**Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam**” – Lần 1



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH



Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (Rồng Việt) được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 32/UBCK-GPĐKKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày 21/12/2006 với số vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng. Ngày 26/04/2007, Rồng Việt chính thức khai trương đi vào hoạt động.

Niêm yết cổ phiếu lần đầu tiên

VDS được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 12/05/2010 theo Quyết định số 226/QĐ-SGDHN.

Loại chứng khoán:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán:	VDS
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng chứng khoán niêm yết lần đầu:	33.000.000 cổ phiếu.
Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay:	34.979.987 cổ phiếu.

Ngày 25/05/2010, ngày giao dịch chính thức cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (mã chứng khoán: VDS) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Các đợt tăng vốn điều lệ

Trong bối cảnh quy mô của thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng mở rộng và phát triển, tính cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt, việc tiếp tục tăng cường năng lực tài chính để tăng khả năng cạnh tranh, tăng năng lực đầu tư, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin và đầu tư tài sản cố định là hết sức cần thiết. Vì vậy, trong năm 2007, Rồng Việt đã phát hành thành công tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 32/UBCK-GP ngày 15/08/2007; Ngày 08/08/2008, UBCKNN đã chấp thuận cho Rồng Việt tăng vốn điều lệ lên 330 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 147/UBCK-GP và đến ngày 20/08/2010, Rồng Việt đã tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 347/UBCK-GP của UBCKNN cấp.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH (tiếp theo)

Thời điểm	Diễn giải
15/08/2007	<p>Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng thông qua 2 đợt phát hành:</p> <p>- Đợt 1: Phát hành 10 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng, trong đó phát hành cho cổ đông hiện hữu 8 triệu cổ phiếu theo tỷ lệ 10:8 và phát hành cho cán bộ nhân viên, đối tác chiến lược 2 triệu cổ phiếu.</p> <p>- Đợt 2: Phát hành 10 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng bằng cách phát hành cho cổ đông hiện hữu 10 triệu cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1</p>
08/08/2008	<p>Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng bằng việc phát hành 3 triệu cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)</p>
20/07/2010	<p>Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 6% theo danh sách cổ đông hưởng quyền đã chốt ngày 21/07/2010.</p>

Trong năm 2011, ĐHCĐ Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 349.799.870.000 đồng lên 524.699.800.000 đồng. Tuy nhiên, do điều kiện thị trường không thuận lợi nên HĐQT quyết định không triển khai kế hoạch phát hành này.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2006

12 – 2006 Thành lập với vốn điều lệ 100 tỷ đồng

2007

12 – 2007 Thành lập Đại lý nhận lệnh Đà Nẵng, Cần Thơ, Nha Trang

08 – 2007 Tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng

05 – 2007 Trở thành Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

04 – 2007 Khai trương hoạt động tại trụ sở chính 147 – 149 Võ Văn Tần, P.6, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

03 – 2007 Trở thành Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

01 – 2007 Trở thành Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

2008

10 – 2008 Nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB), Trung tâm Thông tin tín dụng Ngân hàng Việt Nam (CIC) và Tạp chí Chứng khoán Việt Nam – UBCKNN phối hợp tổ chức.

10 – 2008 Thành lập Đại lý nhận lệnh Bình Dương

09 – 2008 Thành lập Đại lý nhận lệnh Sài Gòn

08 – 2008 Tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm cổ phiếu với tổng mệnh giá phát hành là 30 tỷ đồng cho cổ đông chiến lược là Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam

02 – 2008 Thành lập Chi nhánh Hà Nội

2009

10 – 2009 Nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB), Trung tâm Thông tin tín dụng Ngân hàng Việt Nam (CIC) và Tạp chí Chứng khoán Việt Nam – UBCKNN phối hợp tổ chức- Lần 2

06 – 2009 Trở thành 01 trong 10 công ty đầu tiên đăng ký giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

03 – 2009 Giới thiệu Hệ thống giao dịch trực tuyến eDragon

02 – 2009 Tham gia kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE

2010

11 - 2010 Ra mắt hệ thống giao dịch trực tuyến iDragon với các tính năng nổi trội & hiện đại

09 - 2010 Nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB), Trung tâm Thông tin tín dụng Ngân hàng Việt Nam (CIC) và Tạp chí Chứng khoán Việt Nam - UBCKNN phối hợp tổ chức - Lần 3

08 - 2010 Tăng vốn điều lệ từ 330.000.000.000 đồng lên 349.799.870.000 đồng

06 - 2010 Thành lập chi nhánh Cần Thơ

05 - 2010 Niêm yết cổ phiếu VDS tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), thành lập Chi nhánh Nha Trang & Chi nhánh Đà Nẵng.

04 - 2010 Khai trương trụ sở chính tại Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM & Thành lập chi nhánh Sài Gòn

02 - 2010 Tham gia kết nối giao dịch trực tuyến với HNX

2011

09 - 2011 Chấm dứt hoạt động chi nhánh Sài Gòn

09 - 2011 Thay đổi địa điểm trụ sở Chi nhánh Hà Nội

01 - 2011 Thay đổi logo & hệ thống nhận diện thương hiệu

2012

03 - 2012 Chấm dứt hoạt động chi nhánh Đà Nẵng



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT 2012 - 2016

Mục tiêu: Tối đa hóa giá trị cổ đông, sự hài lòng của khách hàng, niềm tự hào của nhân viên và đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng.

Chiến lược phát triển: Tập trung vào hai nhiệm vụ trọng tâm là củng cố và phát triển. Hoạt động kinh doanh chính của Rồng Việt dựa vào 3 trụ cột chính: **Môi giới – Ngân hàng Đầu tư – Đầu tư tài chính.** Mục tiêu đến năm 2016, Rồng Việt phấn đấu trở thành công ty chứng khoán trong top 10 công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam về quy mô vốn, thị phần, lợi nhuận. Phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm 25-30%. Các mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu như sau:

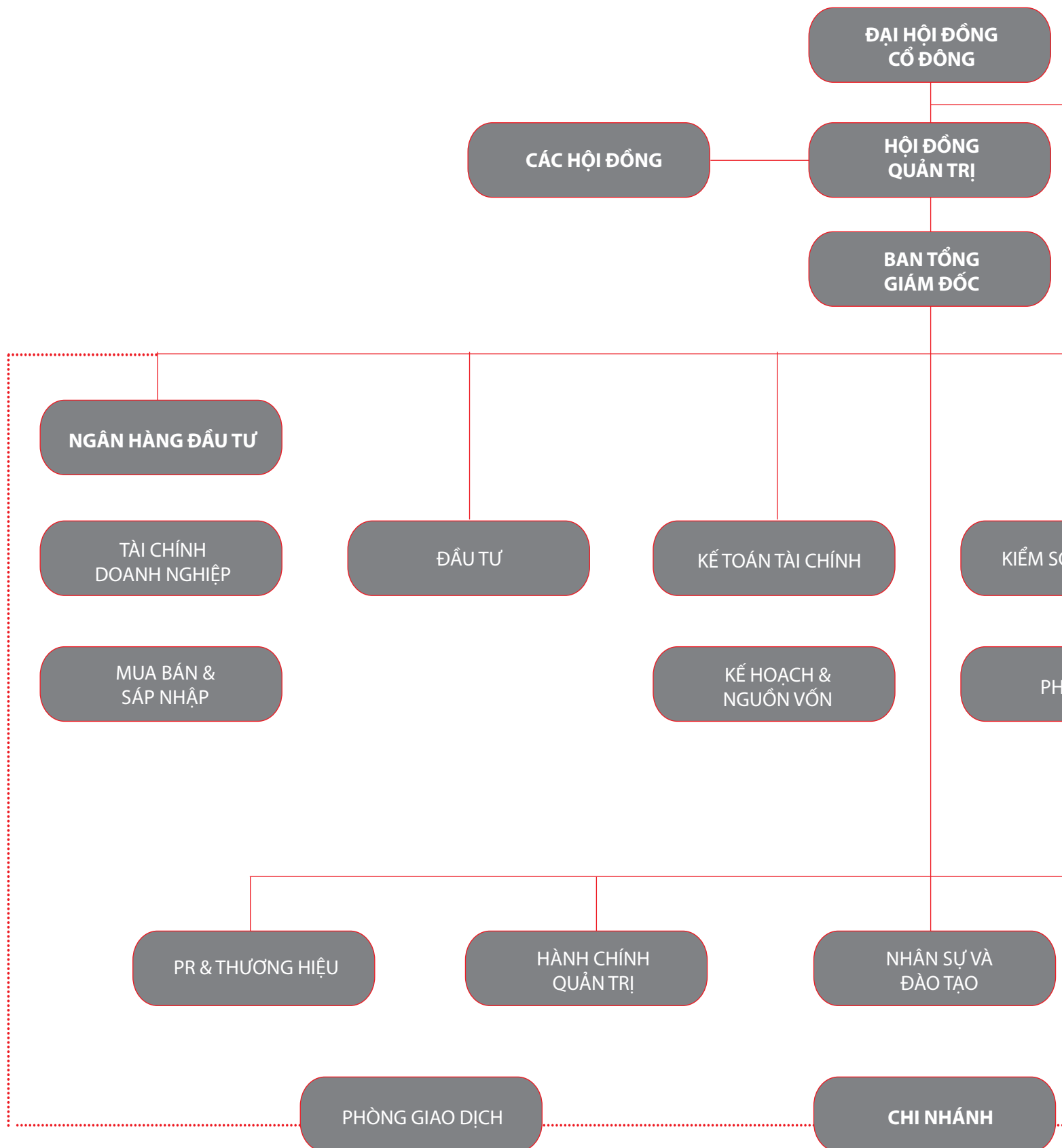
- Về vốn điều lệ: Năm 2012, tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân từ 25-30%/năm để đến năm 2016, vốn điều lệ đạt 1.500 tỷ đồng.
- Về lợi nhuận: Phấn đấu đến hết năm 2013 hết lỗ lũy kế và vốn chủ sở hữu bằng vốn điều lệ. Giai đoạn 2014-2016, đạt mức lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ ở mức 18-20%.
- Chỉ tiêu an toàn tài chính luôn duy trì ở mức trên 180%.
- Về mạng lưới hoạt động: Trong các năm 2012-2013, củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của các chi nhánh hiện có. Từ năm 2014 trở đi, căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán để quyết định về việc mở thêm chi nhánh.
- Về nghiệp vụ môi giới và ngân hàng đầu tư: Phấn đấu đạt thị phần trong nhóm 10 công ty dẫn đầu thị trường ngay trong năm 2012 và duy trì vị trí thuộc nhóm 10 công ty dẫn đầu đến năm 2016.

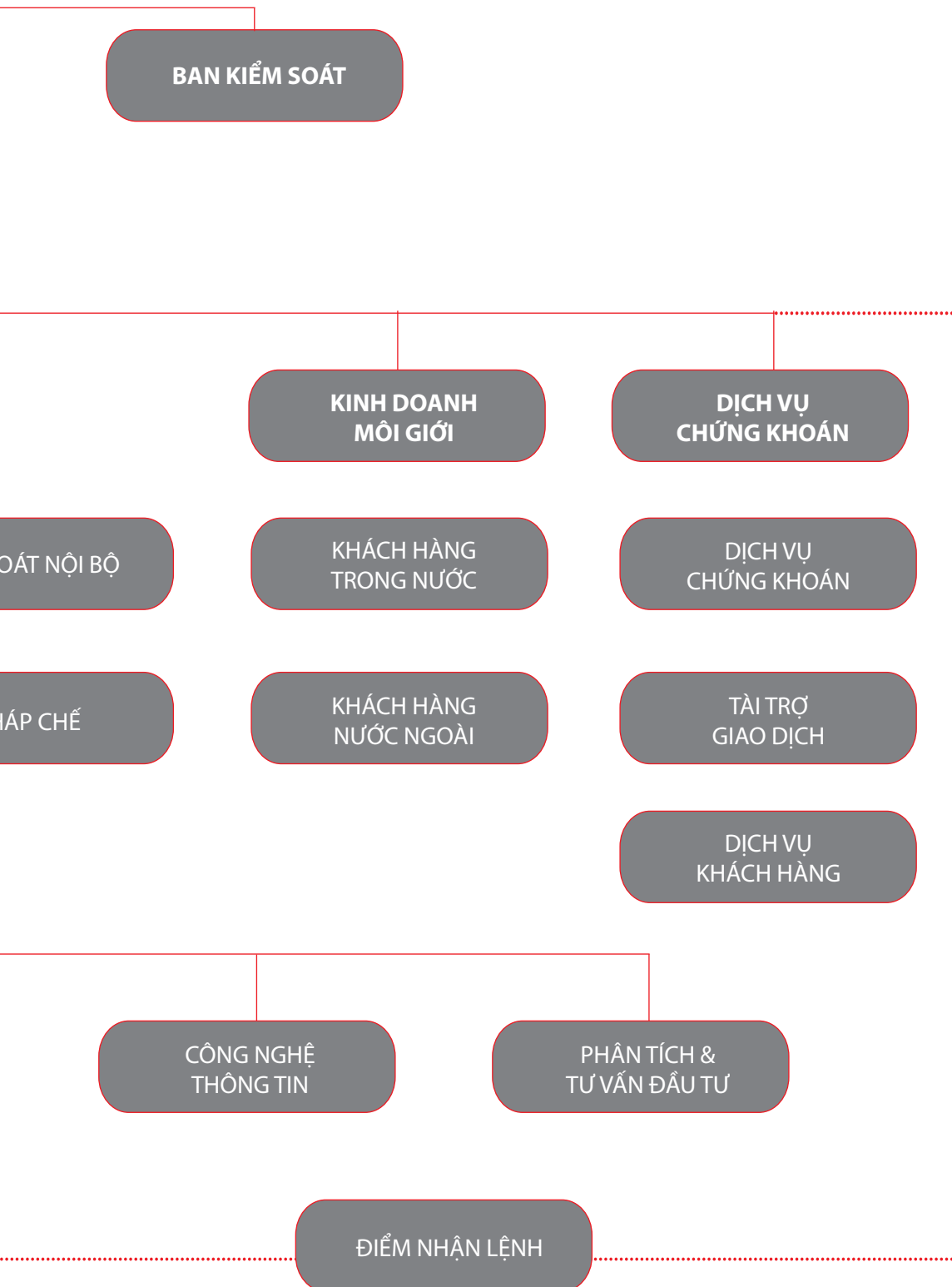
UY TÍN



Chúng tôi hiểu rằng uy tín là yếu tố cốt lõi tạo dựng thành công và tích lũy những giá trị vững bền cho Rồng Việt.









THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Trong năm 2011, không có thay đổi Tổng Giám đốc điều hành.

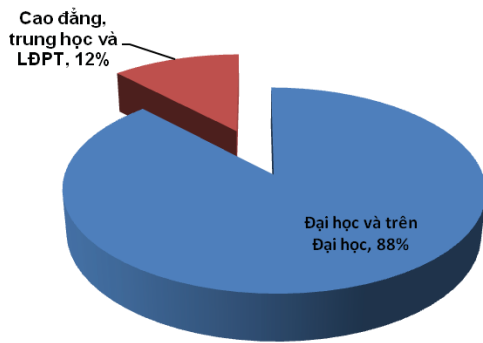
QUYỀN LỢI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC QUYỀN LỢI KHÁC

Rong Việt áp dụng chính sách lương, thưởng cạnh tranh dành cho Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý điều hành cao cấp theo hiệu quả làm việc và thành tích của đơn vị. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý điều hành còn nhận được những quyền lợi khác như: chế độ chăm sóc sức khỏe đặc biệt, khám sức khỏe định kỳ tại bệnh viện cao cấp, khen thưởng lãnh đạo xuất sắc, bảo hiểm tai nạn, và các chế độ phúc lợi khác.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến ngày 31/12/2011, tổng số lao động của công ty là 200 người với cơ cấu lao động như sau:

Cơ cấu	SL lao động (31/12/2011)	Tỷ trọng
Tổng số LĐ	200	100%
Trình độ lao động		
+ Đại học và trên Đại học	176	88%
+ Cao đẳng, trung học, Lao động Phổ thông	24	12%
Giới tính		
+ Lao động Nam	109	54,5%
+ Lao động Nữ	91	45,5%
Độ tuổi		
+ Lao động trên 30 tuổi	61	30,5%
+ Lao động dưới 30 tuổi	139	69,5%



Về tiền lương: Công ty xây dựng quy chế lương riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù hoạt động của công ty phù hợp quy định của pháp luật. Chính sách lương, thưởng đảm bảo khuyến khích sự đóng góp của người lao động vào hiệu quả hoạt động của toàn công ty.

Về chính sách đào tạo: Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung:

- Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh quy định.
- Đối với cán bộ, công nhân viên chưa qua thực tiễn được thực hiện luân chuyển công việc, đưa xuống cơ sở một thời gian để rèn luyện, thử thách thêm trong thực tiễn.
- Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, được công ty chú trọng bồi dưỡng các kiến thức về quản lý kinh tế; về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài; về quản lý và điều hành dự án; về pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách; về tin học và ngoại ngữ. Đặc biệt ưu tiên đào tạo trình độ trên đại học để nâng cao về chuyên môn, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và định hướng chiến lược phát triển của công ty.
- Hằng năm các phòng, ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho Giám đốc để theo dõi, chỉ đạo.

Về chế độ làm việc: Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chế độ khen thưởng: Chế độ khen thưởng của Rông Việt gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ. Rông Việt có các chế độ khen thưởng cơ bản như sau: hoàn thành công việc; nhân viên và đơn vị xuất sắc trong năm; nhân viên giỏi trong năm; nhân viên giỏi nghiệp vụ; nhân viên phục vụ tốt khách hàng; nhân viên có sáng kiến.

Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội: Tất cả nhân viên chính thức của Rông Việt được hưởng các chế độ phụ cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phù hợp với Luật lao động. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Rông Việt còn nhận được phụ cấp khác như: phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro, phụ cấp chuyên môn, ...

Phúc lợi: Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, Rông Việt còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết Nguyên Đán, 30/4, ...); khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho Cán bộ nhân viên; cấp phát trang phục làm việc, nón bảo hiểm; chế độ nghỉ mát.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trong năm 2011, Công ty không có sự thay đổi về Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng.

Ngày 18/04/2012, ĐHCĐ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rông Việt đã tiến hành bầu lại Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2012 – 2016, kết quả như sau:

Thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Thành Long, Ông Nguyễn Anh Tùng và Ông Nguyễn Văn Lý không còn là thành viên HĐQT do hết nhiệm kỳ và không tham gia ứng cử nhiệm kỳ mới 2012 - 2016.
- Ông Phạm Hữu Phú, Ông Nguyễn Miên Tuấn và Ông Nguyễn Thúc Vinh tái đắc cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới 2012 - 2016.
- Ông Nguyễn Hữu Tú và Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới 2012 - 2016.

Ban Kiểm soát

Không có sự thay đổi

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị của Rong Việt hiện nay có năm (05) thành viên: một Chủ tịch, một Phó Chủ tịch và ba thành viên.



Ông Phạm Hữu Phú
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Miên Tuấn
*Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc*



Ông Nguyễn Thúc Vinh
Thành viên Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Hữu Tú
Thành viên Hội đồng Quản trị



Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh
Thành viên Hội đồng Quản trị

**Ông Phạm Hữu Phú***Chủ tịch Hội đồng quản trị*

Ông Phạm Hữu Phú có hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành và quản lý doanh nghiệp. Ông Phú hiện là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị Eximbank, Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Bất động sản Eximland, Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng. Ông Phạm Hữu Phú là cổ đông sáng lập Công ty, đại diện Eximbank tiếp tục tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012 – 2016 với chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông Phú tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.

Ông Nguyễn Miên Tuấn*Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc*

Ông Nguyễn Miên Tuấn có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, chứng khoán và thị trường vốn ở Việt Nam. Trước khi tham gia sáng lập Rồng Việt, Ông Nguyễn Miên Tuấn từng công tác tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM và sau đó giữ vị trí Trưởng Phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank). Ông Tuấn là một trong những cổ đông sáng lập Rồng Việt, tiếp tục tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2012 - 2016 với chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc. Ông Tuấn tốt nghiệp Cao học kinh tế, ngành tài chính ngân hàng tại Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Thúc Vinh*Thành viên Hội đồng quản trị*

Ông Nguyễn Thúc Vinh là sáng lập viên, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long (VDFM), thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng. Trước đó, ông Vinh làm việc tại Sacombank, một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam, và giữ các trọng trách như Trưởng phòng Kế hoạch & Đầu tư và Giám đốc Điều hành. Ông Vinh đại diện cho VDFM tham gia HĐQT Rồng Việt với vai trò thành viên Hội đồng quản trị. Ông Vinh tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính tại Đại học New South Wales (University of New South Wales – UNSW) thuộc Sydney Úc.

Ông Nguyễn Hữu Tú*Thành viên Hội đồng quản trị*

Ông Nguyễn Hữu Tú có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, chứng khoán và thị trường vốn ở Việt Nam. Năm 2000, Ông Tú làm việc tại Vietinbank với chức vụ Chuyên viên nghiệp vụ Hội sở chính và sau đó làm việc tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam, nắm giữ các vị trí Trưởng phòng Tự doanh - phát hành, Trưởng phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Phó Giám đốc Công ty. Từ năm 2008 đến nay, Ông Tú giữ vai trò Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt. Ông Tú tham gia Hội đồng quản trị Rồng Việt nhiệm kỳ 2012 – 2016 với chức danh thành viên Hội đồng quản trị. Ông Tú tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế, ngành tài chính ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh*Thành viên Hội đồng quản trị*

Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh hiện là Luật sư thuộc đoàn Luật sư TP.HCM và là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu. Trước đó, Bà Oanh làm việc tại Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam, Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Vạn Hưng với vai trò trợ lý giám đốc. Bà Oanh đại diện cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu tham gia Hội đồng quản trị Rồng Việt nhiệm kỳ 2012 – 2016 với vai trò thành viên Hội đồng quản trị. Bà Oanh tốt nghiệp trường ĐH Luật TP.HCM.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát có ba (03) thành viên: một Trưởng ban và hai thành viên.



Ông Nguyễn Văn Minh
Trưởng Ban kiểm soát



Ông Tôn Thất Diên Khoa
Thành viên Ban kiểm soát



Ông Đào Công Thắng
Thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Minh
Trưởng Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Minh hoạt động trong lĩnh vực tài chính gần 20 năm. Ông Minh hiện đang là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cung ứng Tàu biển Sài Gòn và là Trợ lý Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu. Ông Minh trở thành thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt từ tháng 3/2010 và nay được tin nhiệm giữ vai trò Trưởng Ban Kiểm soát Rồng Việt nhiệm kỳ 2012 - 2016. Ông Minh có bằng Cử nhân kinh tế.

Ông Tôn Thất Diên Khoa
Thành viên Ban kiểm soát

Ông Tôn Thất Diên Khoa đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán ở thị trường tài chính Việt Nam. Ông Khoa hiện là Giám đốc Đầu tư Tài chính Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vinaconex-ITC. Ông Khoa tiếp tục tham gia Ban Kiểm soát Rồng Việt nhiệm kỳ 2012 – 2016 với vai trò là thành viên Ban kiểm soát. Ông Khoa có bằng Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng.

Ông Đào Công Thắng
Thành viên Ban kiểm soát

Ông Đào Công Thắng hiện là Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Vàng bạc Đá quý Sài Gòn SJC, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý SJC – Minh Khai, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần DV – KD vàng XNK Kim Việt và Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương. Ông Thắng trở thành thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt từ tháng 3/2010 và nay tiếp tục được tin nhiệm giữ vai trò thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 - 2016. Ông Thắng có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và bằng Thạc sĩ Công nghệ thông tin.



BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Nguyễn Miên Tuấn
*Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc*



Ông Nguyễn Hiếu
Phó Tổng Giám đốc



Ông Võ Duy Đạo
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Minh Nhật
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hữu Tú
*Thành viên Hội đồng Quản trị,
Phó Tổng Giám đốc*

Ông Nguyễn Miên Tuấn

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1977
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế ngành Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác :
 • Từ 1999 – 2003 : Chuyên viên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM
 • Từ 2003 – 2006 : Chuyên viên đầu tư, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư, Trưởng phòng Đầu Tư NHTM CP Sài Gòn Thương Tín
 • Từ 2006 – T4/2012 : Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Rồng Việt.
 • Từ T4/2012 - nay : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Rồng Việt.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Pympharco.

Ông Nguyễn Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1973
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác :
 • Từ 1998 – 2000 : Nhân viên tín dụng Sở Giao dịch II – Ngân hàng Công thương Việt Nam
 • Từ 2000 – 2003 : Chuyên viên Môi giới, Phó trưởng phòng Môi giới Công ty Chứng khoán Công Thương, Chi nhánh TP. HCM
 • Từ 2003 – 2006 : Chuyên viên môi giới, Phó Phòng, Trưởng phòng Môi giới CTCP Chứng khoán TP. HCM
 • Từ 2006 – nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Rồng Việt

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: không

Ông Võ Duy Đạo

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1974
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :
 • Từ 10/1996 - 10/2007 : Công tác tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank). Trong thời gian công tác tại Sacombank, đã đảm nhiệm các chức vụ như sau:
 + Trưởng Phòng Tín dụng Hội sở Sacombank
 + Giám đốc Chi nhánh Khánh Hòa
 + Trưởng phòng Thẩm định Hội sở Sacombank
 + Trưởng phòng Chính sách Hội sở Sacombank
 + Trưởng phòng Kế hoạch Chiến lược Hội sở Sacombank
 + Trưởng Ban Quản lý Dự án thành lập Công ty Liên doanh thẻ Sacombank – ANZ
 • Từ 11/2007 – 9/2009 : Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
 • Từ 9/2009 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: không

Ông Nguyễn Minh Nhựt

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1977
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :
 • Từ 1998 – 2003 : Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Công thương Việt Nam – SGD II
 • Từ 2003 – 2006 : Chuyên viên, Phó phòng, Trưởng phòng Đầu tư – Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. HCM
 • Từ 2007 – 2007 : Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Sài Gòn Á Châu
 • Từ 2008 – nay : Giám đốc Khối Đầu tư kiêm Khối Tư vấn TCDN, Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú

Ông Nguyễn Hữu Tú

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1977
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác :
 • Từ 2000 – 09/2000 : Chuyên viên nghiệp vụ Hội sở chính Ngân hàng Công thương Việt Nam
 • Từ 2000 – 2002 : Chuyên viên nghiệp vụ Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
 • Từ 2002 – 2007 : Phó Trưởng Phòng Tự doanh - Phát hành, Trưởng Phòng Tự doanh - Phát hành, Trưởng Phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp Công ty Chứng khoán Công Thương Việt Nam;
 • Từ 2007 – 2008 : Phó Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam.
 • Từ 2008 – T4/2012 : Giám đốc chi nhánh Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.
 • Từ T4/2012 – nay : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: không



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

Năm 2011 là một năm đầy khó khăn của kinh tế thế giới với việc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu và khủng hoảng kinh tế Mỹ. Khu vực Eurozone rơi vào suy thoái, thâm hụt ngân sách ngày càng tăng, nền kinh tế Mỹ cũng đối mặt với trần nợ công và lần đầu tiên bị hạ xếp hạng tín dụng. Kinh tế Trung Quốc cũng như hàng loạt các quốc gia quá phụ thuộc vào xuất khẩu đều chững lại. Trong khi đó, nền kinh tế Nhật Bản mặc dù có sự phục hồi mạnh mẽ sau thảm họa sóng thần xảy ra vào tháng 3 nhưng đang chịu nhiều ảnh hưởng từ sự bất ổn tài chính của các nước phương Tây và đồng yên mạnh.

Kinh tế Việt Nam cũng đối mặt với hàng loạt khó khăn, tỷ giá USD/VND cùng hàng loạt các mặt hàng thiết yếu của nền kinh tế như xăng, dầu, điện đột ngột tăng trên 10% từ đầu năm đã đẩy lạm phát năm 2011 ở mức rất cao. CPI bình quân năm 2011 tăng 18,58% so với năm 2010, trong khi đó tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt mức 5,89%, giảm rõ rệt so với mức 6,78% của năm 2010. Năm 2011 còn chứng kiến sự bùng nổ nợ khó đòi của hệ thống ngân hàng và đổ vỡ tín dụng đen, thể hiện những bất ổn của hệ thống tài chính Việt Nam. Thị trường bất động sản và thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh trong khi tất cả các hàng hóa và dịch vụ khác đều đồng loạt tăng giá theo mức lạm phát.

Với những bất ổn từ kinh tế thế giới và những yếu tố nội tại của kinh tế Việt Nam như lạm phát tăng cao, chính

sách thắt chặt tiền tệ và lãi suất cao, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục trải qua một năm khó khăn và suy thoái nghiêm trọng. Kết thúc năm 2011, VN-Index, HNX-Index và Upcom-Index lần lượt đạt 351,55 điểm; 58,74 điểm và 33,76 điểm, giảm tương ứng 27,46%; 48,58% và 25,29% so với cuối năm 2010. Giá trị giao dịch bình quân ngày tại ba sàn chỉ đạt 1.029 tỷ đồng/ngày. Trong năm 2011, NHNN tiếp tục kiểm soát và duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, hạn chế tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng, đặt biệt là hạn chế cho vay đối với lĩnh vực phi sản xuất khiến dòng vốn hỗ trợ cho thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng và giảm đáng kể. Thị trường chứng khoán thực sự khó khăn, thanh khoản thị trường thấp khiến nhiều Công ty chứng khoán chịu lỗ nặng, một số Công ty chứng khoán phải rút bỏ nghiệp vụ môi giới và thậm chí là mất khả năng thanh toán.

Tình hình kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam trong năm 2011 diễn biến xấu, cộng với những thay đổi về chính sách đã ảnh hưởng mạnh đến thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động của Rông Việt trong năm 2011 đã không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông đề ra. Trong năm 2011, Rông Việt đã ghi nhận khoản lỗ trên 126 tỷ đồng. Tính đến cuối năm 2011, vốn chủ sở hữu của Rông Việt đạt 263,059 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 912 tỷ đồng, giảm 15,69% so với cuối năm 2010 (1.082 tỷ đồng). Tuy không đạt được kế hoạch lợi nhuận, nhưng Rông Việt vẫn đảm bảo các chỉ tiêu về an toàn tài chính và hoạt động theo đúng các quy định pháp luật.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	% Kế hoạch
Doanh thu thuần	237.163	164.371	69,31%
Tổng chi phí	184.455	290.714	157,61%
Lợi nhuận trước thuế	52.708	(126.343)	- 239,70%

Năm 2011, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt đã đạt được kết quả như sau:

- Tổng thu nhập: 164,371 tỷ đồng, hoàn thành 69,31% tổng thu nhập kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua (237,163 tỷ đồng). Trong đó:

- Doanh thu thuần 2011 đạt: 161,57 tỷ đồng
- Thu nhập khác đạt: 2,80 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế: lỗ 126,343 tỷ đồng, bằng - 239,70% kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua (52,7 tỷ đồng).

Nhìn chung, Ban điều hành đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thông qua do những khó khăn khách quan từ thị trường và chủ quan từ chỉ đạo điều hành. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn giữ được sự ổn định, thanh khoản luôn được đảm bảo, đáp ứng được đầy đủ và kịp thời nhu cầu của khách hàng, hệ thống chứng khoán lõi hiện đại ngày càng được hoàn thiện, hoạt động tài trợ giao dịch góp phần thay đổi cơ cấu thu nhập theo hướng tích cực.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2012 là năm bắt đầu của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới (2012-2016), trong bối cảnh Rồng Việt vừa trải qua một năm 2011 đầy khó khăn, thách thức. Trong năm 2012, chúng ta sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đến từ các yếu tố: nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam sẽ tiếp tục còn nhiều khó khăn; áp lực từ việc mở cửa hội nhập đối với ngành chứng khoán từ năm 2012 cho công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài; việc triển khai đề án tái cấu trúc thị trường chứng khoán và các công ty chứng khoán của UBCK. Với những kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn hoạt động sau 01 nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ đề xuất một số giải pháp, phương hướng hoạt động năm 2012 như sau:

- Kiên định chiến lược phát triển Rồng Việt trở thành một ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam với thế mạnh ở hai nghiệp vụ chính là môi giới và ngân hàng đầu tư, kết hợp với hoạt động đầu tư ở một tỷ lệ hợp lý trên vốn chủ sở hữu.
- Tiếp tục tăng năng lực tài chính thông qua việc triển khai tìm kiếm và lựa chọn đối tác chiến lược theo chiến lược phát triển giai đoạn 2012 – 2016. Thực hiện tăng vốn điều lệ của Công ty trong năm 2012 lên mức 700 tỷ nhằm bổ sung nguồn vốn cho các nghiệp vụ kinh doanh và năng lực cạnh tranh trong giai đoạn mới.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức; rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh.
- Củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, tập trung vào việc hỗ trợ và chỉ đạo Ban điều hành trong công tác phát triển khách hàng, đặc biệt tập trung vào thu xếp, hỗ trợ vốn cho các hoạt động dịch vụ của công ty, mở rộng các quan hệ hợp tác và quản lý rủi ro hoạt động.
- Có chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình tuyển dụng, đào tạo để có đội ngũ nhân sự chủ chốt đủ sức thích nghi với những thay đổi của môi trường kinh doanh và triển khai các mục tiêu phát triển của công ty.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Kết quả kinh doanh	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu thuần	VNĐ	146.830.072.511	198.624.156.247	161.572.471.207
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	VNĐ	52.987.685.142	25.501.333.182	(128.384.993.820)
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	54.272.326.550	26.932.548.974	(126.342.463.596)
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	66.622.074.436	20.938.620.170	(126.342.463.596)

Bảng cân đối kế toán	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Tổng tài sản	VNĐ	926.365.784.368	1.082.158.374.221	912.529.206.666
Tài sản ngắn hạn	VNĐ	744.770.935.073	961.003.143.409	872.637.772.298
Tài sản dài hạn	VNĐ	181.594.849.295	121.155.230.812	39.891.434.368
Vốn điều lệ	VNĐ	330.000.000.000	349.799.870.000	349.799.870.000
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	368.733.088.933	389.671.709.103	263.329.245.507

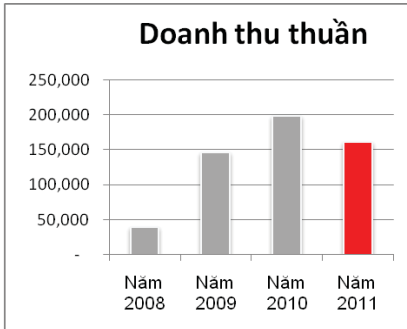
Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,40%	88,80%	95,63%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,60%	11,20%	4,37%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	60,20%	63,99%	71,14%
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	39,80%	36,01%	28,86%

Tỷ suất sinh lời	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	45,37%	10,54%	-78,20%
Lợi nhuận sau thuế / VCSH bình quân	%	19,86%	5,52%	-38,70%
Lợi nhuận sau thuế / TTS bình quân	%	10,37%	2,08%	-12,67%
Lợi nhuận sau thuế/ VĐL bình quân	%	20,19%	6,16%	-36,12%



Giá trị sổ sách

VNĐ



Chỉ tiêu	Giá trị tại 31/12/2010	Giá trị tại 31/12/2011
Tổng giá trị theo sổ sách	389.671.709.103	263.329.245.507
Vốn Điều lệ hiện tại	349.799.870.000	349.799.870.000
Mệnh giá một cổ phần	10.000	10.000
Số cổ phần hiện hành (cổ phần)	34.979.987	34.979.987
Thu giá/cổ phần (đồng/cp)	11.140	7.528

Những thay đổi về vốn cổ đông

Không thay đổi vốn cổ đông trong năm 2011

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

- Số lượng : 34.979.987 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: (thời điểm 31/12/2011)

- Số lượng : 34.979.987 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông

Chính sách cổ tức và cổ tức năm 2011

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

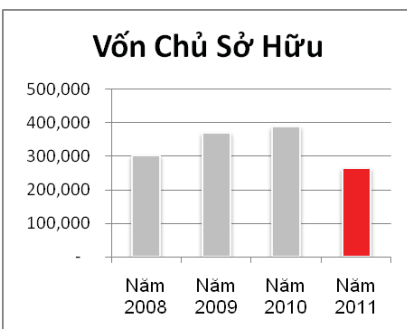
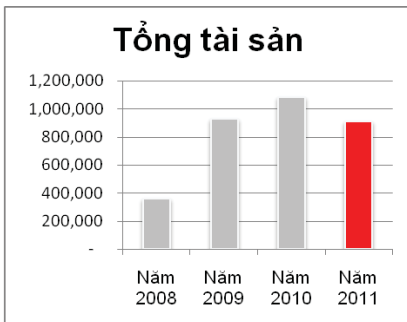
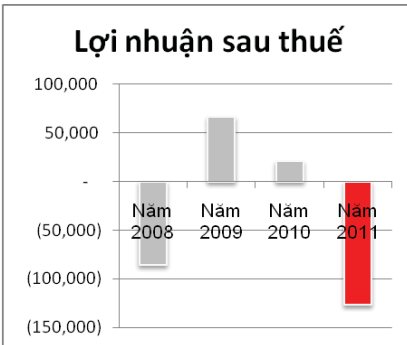
- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2007, Rong Viet thực hiện chia cổ tức với tỷ lệ 12%. Trong năm 2008, hoạt động kinh doanh của VDSC gặp nhiều khó khăn dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh lỗ. Vì vậy, Rong Viet không chia cổ tức trong năm 2008.

Năm 2009, hoạt động kinh doanh của Rong Viet có lãi nhưng vẫn còn lỗ lũy kế. Do vậy, năm 2009 Rong Viet không chia cổ tức. Tuy nhiên, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 06/03/2010 đã thông qua phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6% từ nguồn thặng dư cổ phần của Công ty và được thực hiện vào tháng 07/2010.

Năm 2010, hoạt động kinh doanh của Rong Viet cũng gặp rất nhiều khó khăn, các chỉ tiêu đặt ra đều chưa được hoàn thành. Kết thúc năm 2010, hoạt động kinh doanh của Rong Viet có lãi (Lợi nhuận sau thuế đạt 20,93 tỷ đồng) và đã bù được khoản lỗ lũy kế. Do vậy, Rong Viet đã không thực hiện chia cổ tức năm 2010.

Năm 2011, với kết quả hoạt động kinh doanh lỗ 126 tỷ đồng nên sẽ tiếp tục không chia cổ tức cho cổ đông.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam trong năm 2011 diễn biến xấu đã ảnh hưởng mạnh đến thị trường chứng khoán Việt Nam và khiến cho Rong Viet bị thua lỗ nặng trong năm 2011, không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã trình Đại hội cổ đông.

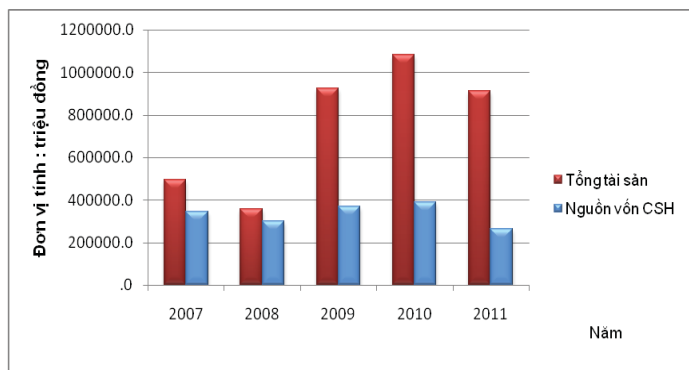
Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	So sánh	
				% Kế hoạch	% tăng giảm 2010
Tổng doanh thu	198.624	237.163	161.572	68,13%	-18,65%
Môi giới	36.168	50.083	16.071	32,09%	-55,57%
Dịch vụ chứng khoán	52.889	107.500	118.115	109,87%	123,33%
Ngân hàng đầu tư	3.935	8.480	1.110	13,09%	-71,79%
Đầu tư tài chính	92.296	56.100	13.652	24,33%	-85,21%
Hoạt động khác	13.336	15.000	12.624	84,16%	-5,34%
Tổng chi phí	173.123	184.455	289.957	157,19%	67,49%
Chi phí hoạt động kinh doanh	115.398	114.937	231.427	201,35%	100,55%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.725	69.518	58.530	84,19%	1,39%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	25.501	52.708	(128.385)	-243,58%	-603,45%
Lợi nhuận khác	1.431	0	2.043	-	42,77%
Lợi nhuận trước thuế	26.932	52.708	(126.342)	239,70%	569,11%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.994	12.650	0	0	-100%
Lợi nhuận sau thuế	20.938	40.058	(126.342)	-31,54%	-703,41%
EPS (đồng)	599	1.145	(3.612)	-315,46%	-703%

Cuối năm 2011, vốn chủ sở hữu của Rong Viet đạt 263,329 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 912 tỷ đồng, giảm 15,66% so với cuối năm 2010 (1.082 tỷ đồng).

Tuy nhiên, Rong Viet vẫn đảm bảo các chỉ tiêu về an toàn tài chính :

- Tỷ lệ an toàn tài chính : 239,48% (trên 180%)
- Tỷ lệ tổng nợ/vốn chủ sở hữu: 2,47 (không vượt quá 6 lần)
- Nợ ngắn hạn/tài sản ngắn hạn: 0,74 (nhỏ hơn 1)
- Giá trị còn lại của tài sản cố định/vốn điều lệ : 6,3% (không vượt quá 50%)





Cơ cấu doanh thu tiếp tục dịch chuyển theo hướng doanh thu từ hoạt động dịch vụ chứng khoán và kinh doanh môi giới chiếm tỷ trọng chủ yếu, chiếm 81,64% tổng doanh thu toàn công ty.

Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch kế hoạch lợi nhuận là do:

- Bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi, giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường chỉ vào khoảng 1.000 tỷ đồng/phiên, chỉ bằng 40% so với thời điểm năm 2010 (2.500 tỷ đồng/phiên) và thấp hơn nhiều so với dự báo khi xây dựng kế hoạch (2.800 tỷ đồng/phiên). Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn thu từ môi giới.
- Tình hình thanh khoản khó khăn và lãi suất đầu vào tăng quá cao đã làm cho việc đẩy mạnh hoạt động tài trợ giao dịch và DVCK bị ảnh hưởng. Lãi suất đầu vào bình quân lên tới 17,4%, tăng hơn 39% so với kế hoạch dự kiến là 12,50% đã làm cho chi phí lãi vay đầu vào tăng hơn 51% so với kế hoạch (120,9 tỷ đồng so với 80 tỷ đồng theo kế hoạch), mức Margin bình quân đạt được trong năm chỉ là 3,32% so với mức kế hoạch dự kiến là 5%.
- Giá cổ phiếu trên thị trường giảm mạnh so với năm 2010 đã khiến cho hoạt động tự doanh bị thua lỗ nặng. Việc cơ cấu lại danh mục đầu tư và ưu tiên đẩy mạnh thanh khoản đã tạo ra khoản lỗ 18,9 tỷ đồng từ tự doanh trong năm, ngoài ra việc giá chứng khoán xuống quá thấp đã buộc công ty phải ghi nhận thêm 68,3 tỷ đồng chi phí dự phòng trong năm.
- Ngoài ra, những yếu tố bất lợi từ thị trường cũng đã ảnh hưởng tới tiến độ triển khai lộ trình công việc theo đúng kế hoạch đối với các hợp đồng tư vấn TCDN đã ký kết cũng như tiếp thị đến các khách hàng tiềm năng. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến các khoản thu từ hoạt động ngân hàng đầu tư.

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Phát triển khách hàng:

Trong năm 2011, Rong Viet đã phát triển thêm 5.805 tài khoản, đạt 58,05% kế hoạch năm (10.000 tài khoản), đưa tổng số tài khoản đến hết tháng 12/2011 đạt 53.030 tài khoản, tăng 12,29% so với năm 2010 (47.225 tài khoản). Trong đó, 99,6% là tài khoản cá nhân trong nước, 102 tài khoản tổ chức trong nước, 7 tài khoản tổ chức nước ngoài và 103 tài khoản cá nhân nước ngoài.

Thị phần môi giới:

Tổng giá trị giao dịch năm 2011 đạt 8.745 tỷ đồng, giảm

55,2% so với năm 2010 (19.519 tỷ đồng), giá trị giao dịch trung bình một phiên trong năm 2011 của Rong Viet là 34,981 tỷ đồng.

Thị phần môi giới của Rong Viet trên toàn thị trường năm 2011 là 1,725%, tăng 13,5% so với mức 1,52% của năm 2010, chưa đạt chỉ tiêu 2% kế hoạch đã đề ra. Trong đó, thị phần tại HOSE là 1,97%, HNX là 1,33% và Upcom là 0,80%.

Doanh thu môi giới:

Doanh thu môi giới trong năm đạt 16,07 tỷ đồng, giảm 55,57% so với năm 2010 (36,17 tỷ đồng), chỉ đạt 32,09% kế hoạch cả năm (50,08 tỷ đồng). Mặc dù thị phần năm 2011 tăng nhẹ so với năm 2010, tỷ lệ phí thực thu bình quân vẫn bằng năm trước là 0,18%, nhưng giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường trong năm 2011 sụt giảm mạnh, chỉ đạt 1.029 tỷ đồng/ngày so với mức 2.500 tỷ đồng/ngày của năm 2010 nên doanh thu môi giới năm nay sụt giảm mạnh.

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Hoạt động dịch vụ chứng khoán (gồm tài trợ giao dịch, ký quỹ, các dịch vụ ứng trước, cầm cố, quản lý cổ đông...) là nguồn thu chủ lực, chiếm 71,86% tổng doanh thu của công ty. Năm 2011 hoạt động này đạt 118 tỷ đồng, tăng 115,54% so với năm 2010 (54,80 tỷ đồng), vượt 9,87% kế hoạch đề ra (107,5 tỷ đồng). Trong đó:

Hoạt động tài trợ giao dịch đạt doanh thu 113,7 tỷ đồng, chiếm hơn 96% tổng doanh thu hoạt động dịch vụ chứng khoán. Mặc dù gặp không ít khó khăn do những thay đổi trong chính sách cho vay vốn của ngân hàng, đặc biệt là đối với thị trường chứng khoán nhưng trong năm 2011 Rong Viet vẫn thu xếp được nguồn vốn hỗ trợ cho nhà đầu tư. Dư nợ bình quân cho cả năm ước đạt 550 tỷ đồng/tháng, lãi suất tài trợ bình quân cả năm khoảng 20,69%/năm, tỷ lệ margin đạt được là 3,32%/năm. Dư nợ cuối năm là 336 tỷ đồng.

Hoạt động quản lý cổ đông mang lại doanh thu 116,9 triệu đồng chủ yếu từ nguồn thu do quản lý cổ đông CTCP BĐS Exim (Eximland) và CTCP BV Tim Tâm Đức.

Hoạt động ứng trước và cầm cố mang lại doanh thu 3,97 tỷ đồng, chiếm 3,36% tổng doanh thu hoạt động DVCK, trong đó hoa hồng thu được từ cầm cố là 2,2 tỷ đồng, chiếm hơn 55%.

Hoạt động báo giá chứng khoán mang lại doanh thu 361 triệu đồng. Hiện công ty đang cung cấp dịch vụ này cho các quỹ như Mekong Capital, Dragon Capital, Vina Capital, VFM, Prudential Fund.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tình hình thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh đã tác động rất xấu đến hoạt động ngân hàng đầu tư khiến cho hầu hết các hợp đồng tư vấn phát hành, tư vấn niêm yết, các kế hoạch thu xếp huy động vốn đều bị chậm lại hoặc không thực hiện được.

Doanh thu: Hoạt động ngân hàng đầu tư mang lại doanh thu 1,110 tỷ đồng, chỉ đạt 13,09% kế hoạch năm (8,48 tỷ đồng), giảm 71,79% so với năm 2010 (3,74 tỷ đồng), đạt kết quả thấp nhất trong 5 năm hoạt động.

Trong bối cảnh hiện nay, hoạt động ngân hàng đã được cơ cấu lại thành 2 nhóm công việc chính:

- **Tư vấn tài chính:** tập trung vào tư vấn phát hành, tư vấn niêm yết, phục vụ cho gần 70 khách hàng là các doanh nghiệp trong nước. Hoạt động này mang lại thu nhập không lớn nhưng có nguồn khách hàng và công việc ổn định, góp phần thu hút thêm khách hàng cho hoạt động môi giới, tăng uy tín công ty.
 - **Hoạt động tư vấn niêm yết:** Trong năm 2011, Rông Việt không đưa được doanh nghiệp nào lên niêm yết do tình hình thị trường chứng khoán không thuận lợi nên kế hoạch niêm yết của các doanh nghiệp đã ký hợp đồng đều chậm lại.
 - **Hoạt động tư vấn phát hành:** Thực hiện tư vấn phát hành riêng lẻ, phát hành ra công chứng cổ phiếu và trái phiếu cho các doanh nghiệp: CTCP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn, CTCP Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER), CTCP BV Tim Tâm Đức, CTCP XNK Thủy sản Cần Thơ (Caseamex), CTCP Bao Bì Xi Măng Hải Phòng, CTCP Mía đường Lam Sơn (LSS), CTCP Bảo Hiểm Quân Đội.
 - **Hoạt động tư vấn khác:** Trong năm 2011, Rông Việt đã tư vấn lập báo cáo thường niên, tổ chức đại hội cổ đông, đăng ký đại chúng, công bố

thông tin cho 9 đơn vị là CTCP Hữu Toàn, CTCP Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER), CTCP VIFON, CTCP Trung Việt, CTCP Sành Sứ Thủy Tinh (Vinaceglass), CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc, CTCP Xây dựng Đường Thủy số 2, CTCP Dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội, Tổng Công ty Mía Đường I.

- **Tư vấn mua bán, sáp nhập:** đây là hướng đi mới được kỳ vọng mang lại nguồn thu chủ lực cho hoạt động ngân hàng đầu tư. Hiện nay, Rông Việt đang tập trung chào bán, thu xếp vốn cho các dự án bất động sản, tư vấn tìm kiếm đối tác chiến lược và mua lại công ty cho các doanh nghiệp trong nước.

Công tác phát triển và quan hệ khách hàng: tình hình thị trường đã gây bất lợi rất lớn trong việc triển khai lộ trình công việc đối với các hợp đồng đã ký cũng như công tác tiếp thị các khách hàng tiềm năng. Mặc dù vậy, việc duy trì quan hệ và hỗ trợ đối với khách hàng cũ được thực hiện khá tốt, hầu hết các nhu cầu về dịch vụ tài chính doanh nghiệp của các khách hàng cũ phát sinh trong năm 2010 đều tiếp tục thực hiện với Rông Việt như: CTCP Bệnh viện Tim Tâm Đức, CTCP BVTV Sài Gòn, CTCP XNK Thủy sản Cần Thơ (Caseamex),... Ngoài ra, trong năm 2011 công ty cũng đã thu xếp tiếp xúc và giới thiệu dịch vụ cho hơn 30 doanh nghiệp.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

Thanh khoản sụt giảm nghiêm trọng, giá trị giao dịch bình quân năm chỉ bằng 40% năm 2010, thị trường chứng khoán năm 2011 suy thoái nghiêm trọng hơn cả năm 2008 làm cho hoạt động đầu tư bị thua lỗ nặng, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung của Công ty. Kết thúc năm, chỉ số VN-Index giảm 27,6% và HNX-Index giảm 48,6% so với năm 2010 đã đẩy khoản trích lập dự phòng cho năm 2011 tăng 264,78% so với năm ngoài.

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	% tăng/giảm
Thu nhập	46.062.797.395	-5.204.787.197	-111,30%
Lãi bán CK đầu tư, góp vốn	37.542.602.325	-18.008.851.806	-147,97%
Cổ tức	8.520.195.070	12.804.064.609	50,28%
Chi phí dự phòng	-3.256.058.435	68.309.952.235	2.197,93%
Số dư dự phòng	25.799.032.423	94.108.984.658	264,78%
Lãi lỗ từ hoạt động tự doanh	49.318.855.830	-73.514.739.432	-249,06%



Tình hình đầu tư tài chính tính đến thời điểm 31/12/2011 là :

Danh mục đầu tư	Năm 2010	Năm 2011	% tăng/giảm
Đầu tư ngắn hạn	285.666.438.543	207.189.713.737	-27,47%
CP niêm yết	188.089.793.543	135.272.868.737	-28,08%
CP chưa niêm yết	93.796.845.000	71.916.845.000	-23,33%
TP chuyển đổi	3.779.800.000	-	-100,00%
Đầu tư dài hạn	85.582.294.150	-	-100,00%
Tổng cộng	371.248.732.693	207.189.713.737	-44,19%

HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Hoạt động phân tích trong năm 2011 đã nỗ lực trong việc phát triển sản phẩm và duy trì chất lượng các báo cáo phân tích :

- **Nhóm báo cáo về kinh tế và thị trường chứng khoán:** bản tin chứng khoán, báo cáo phân tích kỹ thuật tuần/ngày, báo cáo chiến lược đầu tư. Trong năm 2011, phát triển thêm báo cáo phân tích top 20 công ty niêm yết trên HSX và HNX, danh mục khuyến cáo đầu tư dựa vào chỉ báo kỹ thuật, báo cáo Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2011 và 05 báo cáo chuyên đề về kinh tế Việt Nam và thế giới.
- **Nhóm báo cáo phân tích cơ bản:** Thường xuyên cung cấp các Báo cáo phân tích công ty, báo cáo phân tích ngành, khuyến cáo đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Ngoài ra, đã tổ chức khá thành công các hội thảo về kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán cho khách hàng.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2012

Nhận định tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2012

- Tình hình kinh tế thế giới sẽ tiếp tục diễn biến khó lường và bất ổn.
- Kinh tế Việt Nam được nhận định là còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với việc lạm phát dần được kiểm soát, khả năng lãi suất sẽ giảm để giúp duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế và hỗ trợ cho quá trình tái cấu trúc nền kinh tế.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam : Với sự tăng trưởng bất ngờ của thị trường chứng khoán trong 2 tháng đầu năm cho thấy khả năng đáy của thị trường đã được xác lập vào cuối năm 2011. Với nhiều thông tin tích cực như: Chính phủ đã ban hành nhiều

chính sách mới giúp thị trường chứng khoán phát triển, sự quan tâm trở lại của khối nhà đầu tư nước ngoài, xu hướng lãi suất giảm, các kênh đầu tư khác kém hấp dẫn... đan xen với những lo ngại về lạm phát tiếp diễn trong bối cảnh tăng giá xăng dầu và giá điện, sự kéo dài thời gian giao dịch hy vọng sẽ giúp thị trường chứng khoán phục hồi và cải thiện thanh khoản trong năm 2012.

- Đối với khối công ty chứng khoán: Hoạt động tái cơ cấu công ty chứng khoán theo hướng thu hẹp sẽ là tiêu điểm của năm 2012.

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2012 của Công ty Chứng khoán Rồng Việt

Lựa chọn mục tiêu kinh doanh

Với những nhận định về thị trường năm 2012, những kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn hoạt động 5 năm qua, Hội đồng quản trị và Ban điều hành quyết định lựa chọn mục tiêu kinh doanh năm 2012 như sau:

- Tăng năng lực tài chính để đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính và bổ sung nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động kinh doanh;
- Tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng thanh toán một số khoản đầu tư dài hạn có thanh khoản thấp nhằm tăng hiệu quả hoạt động đầu tư;
- Đẩy mạnh phát triển các mảng dịch vụ chứng khoán: môi giới-giao dịch ký quỹ và hoạt động ngân hàng đầu tư;
- Tiếp tục quản lý chi phí chặt chẽ thông qua việc cơ cấu lại hệ thống mạng lưới, tiếp tục tinh gọn bộ máy hoạt động hướng đến mục tiêu hiệu quả;
- Tận dụng tốt các cơ hội khi thị trường hồi phục để tìm kiếm mức lợi nhuận tốt nhất cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kế hoạch tài chính và các mục tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2011	KH 2012	%KH/ TH
Tổng doanh thu	164.372	147.737	89,88%
Tổng chi phí	290.714	109.440	37,65%
Lợi nhuận trước thuế	(126.342)	38.298	

Hoạt động môi giới

- Số lượng tài khoản cuối năm: tối thiểu tăng thêm 3.000 tài khoản, đưa tổng số tài khoản lên khoảng 56.000 tài khoản.
- Thị phần môi giới tăng 45%, đạt mức thị phần toàn thị trường là 2,5%, trong đó thị phần trên sàn HSX thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán dẫn đầu.
- Cơ cấu doanh thu môi giới thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng của nhóm khách hàng tổ chức.
- Mức phí bình quân đạt 0,16%.

Hoạt động dịch vụ chứng khoán:

- Đạt số dư tài trợ ký quỹ bình quân tối thiểu là 330 tỷ đồng.
- Duy trì mức lợi nhuận biên gộp khoảng 4-5%.
- Quản lý tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 1,5% số dư tài trợ.

Hoạt động ngân hàng đầu tư

- Tiếp tục triển khai các hoạt động tư vấn tài chính trong đó chú trọng vào hoạt động tư vấn định giá, tư vấn phát hành và tư vấn niêm yết.
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A và thu xếp vốn thông qua các đợt phát hành chứng khoán nợ và các công cụ phái sinh.

Hoạt động đầu tư

- Cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng thanh toán một số khoản mục đầu tư dài hạn để tăng lượng tiền mặt.
- Bám sát thị trường để thực hiện giao dịch ngắn hạn trong các giai đoạn thị trường sôi động nhằm gia tăng thu nhập cho hoạt động đầu tư.

Hoạt động của các chi nhánh :

- Đẩy mạnh hai hoạt động chính là môi giới và giao dịch ký quỹ với mục tiêu các Chi nhánh đều có hiệu quả.

Các giải pháp thực hiện kế hoạch:

Để đạt được các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh đã đề ra, Rong Việt đã lập kế hoạch hoàn thành các mục tiêu này.

- Cắt giảm chi phí hoạt động thông qua việc cơ cấu và giảm số lượng nhân sự.
- Nâng cao năng lực tài chính, thanh khoản cho công ty thông qua việc tăng vốn điều lệ, bán bớt các khoản đầu tư tự doanh và ủy thác đầu tư tại giá hợp lý.
- Đẩy mạnh tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho hoạt động giao dịch ký quỹ.
- Tập trung thu hút tài khoản từ các tổ chức đầu tư, đẩy mạnh tư vấn và thực hiện các giao dịch lớn, khuyến khích giao dịch trực tuyến của khách hàng.
- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ hiện có. Khối Kinh doanh môi giới và Phòng Phân tích & Tư vấn đầu tư phối hợp nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ mới phù hợp với nhu cầu đầu tư của từng đối tượng khách hàng.
- Tuân thủ chặt chẽ quy trình nghiệp vụ về tài trợ giao dịch và giao dịch ký quỹ để đảm bảo an toàn cho công ty.
- Đối với hoạt động IB: Phát triển các hợp đồng mới với các khách hàng cũ. Đẩy mạnh nghiệp vụ tư vấn thu xếp vốn, chào bán lớn, tư vấn mua bán-sáp nhập.
- Triển khai dự án iDragon mới nhằm cải tiến giao dịch và tính năng của hệ thống iDragon. Thông qua đó tăng tính cạnh tranh trong việc thu hút khách hàng môi giới.
- Tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo nội bộ, kết hợp với đào tạo chứng chỉ hành nghề để bổ sung kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ nhân sự.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ, duy trì các chương trình kiểm tra định kỳ tại Hội sở và các chi nhánh nhằm đảm bảo tính thực thi các quy định của Công ty và của pháp luật.



TÌNH HÌNH KIỂM TRA TUÂN THỦ VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Công tác kiểm tra kiểm soát định kỳ

Căn cứ theo quy định pháp luật và các quy định hiện hành của Công ty, Bộ phận KSNB lập kế hoạch và tiến hành kiểm tra về mọi mặt hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tính chính xác, tính tuân thủ. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan tới Ban Tổng giám thông qua các Báo cáo kiểm soát từ đó có thể đánh giá hoạt động của các phòng ban, kiểm soát rủi ro và tiến hành điều chỉnh các sai sót (nếu có). Cụ thể trong Bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm tra như sau:

- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Khối Dịch vụ chứng khoán bao gồm các hoạt động quản lý tiền gửi, lưu ký chứng khoán, hoạt động nhận, truyền lệnh khách hàng, hoạt động thanh toán bù trừ ...
- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Ngân hàng đầu tư.
- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Phòng Hành chính nhân sự và Phòng Công nghệ thông tin.
- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của các Chi nhánh.

Công tác kiểm tra kiểm soát đột xuất

Bên cạnh việc tiến hành công tác kiểm tra kiểm soát theo định kỳ, Bộ phận KSNB Công ty còn thường xuyên tiến hành hoạt động kiểm soát đột xuất các phòng ban, bộ phận nhằm hạn chế tối đa các phát sinh và kịp thời xử lý, khắc phục trong trường hợp có sai sót xảy ra.

Hoạt động hệ thống KSNB Công ty có vai trò tích cực trong việc hỗ trợ cho Ban điều hành tiến hành kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán cũng như các quy định nội bộ Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty. Cụ thể hệ thống Kiểm soát nội bộ đã đảm bảo:

- Kiểm soát việc tuân thủ quy trình nghiệp vụ của các bộ phận kinh doanh.
- Kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính.
- Giám sát tỷ lệ vốn khả dụng và các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định.
- Quản lý tách biệt tài sản chứng khoán, tiền gửi của khách hàng với Công ty.
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng.
- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo và chế độ công bố thông tin.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2011

Với tình hình kinh tế, thị trường tài chính diễn biến bất thường gây nhiều khó khăn cho hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành thông qua việc ban hành các nghị quyết liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.

Trong kỳ, Hội đồng quản trị đã có 05 phiên họp và 05 lần thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản quyết định các nội dung quan trọng về các lĩnh vực kế hoạch hoạt động kinh doanh, tổ chức, tài chính... đảm bảo hoạt động của Công ty hiệu quả và tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty.

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
Nghị quyết 01/2011/NQ-HĐQT	24/01/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2010 và kế hoạch kinh doanh năm 2011. - Thông qua báo cáo tiến độ triển khai dự án Core chứng khoán. - Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 của Công ty. - Thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty năm 2011.
Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐQT	22/02/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo hoạt động kinh doanh 2 tháng đầu năm 2011. - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2011 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010. - Thông qua nội dung trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010.
Nghị quyết 03/2011/NQ-HĐQT	20/04/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo hoạt động kinh doanh Quý I năm 2011 và kế hoạch kinh doanh Quý II năm 2011. - Thông qua một số chủ trương, kế hoạch kinh doanh của Công ty.
Nghị quyết 04/2011/NQ-HĐQT	27/05/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.
Nghị quyết 05/2011/NQ-HĐQT	08/06/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch vay vốn và ký kết các hợp đồng hợp tác, hợp đồng vay vốn với các tổ chức, ngân hàng nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
Nghị quyết 06/2011/NQ-HĐQT	28/07/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc triển khai dịch vụ giao dịch ký quỹ và quản lý tài sản của Công ty.
Nghị quyết 07/2011/NQ-HĐQT	28/07/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty. - Thông qua kế hoạch di dời địa điểm Chi nhánh Hà Nội.
Nghị quyết 08/2011/NQ-HĐQT	20/10/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2011. - Thông qua kế hoạch hoạt động 3 tháng cuối năm 2011.
Nghị quyết 09/2011/NQ-HĐQT	28/10/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thay đổi hình thức đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Exim. - Thông qua việc ký kết hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Việt Long.
Nghị quyết 10/2011/QĐ-HĐQT	5/12/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thay đổi hình thức đầu tư vào Công ty cổ phần Pymepharco và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng. - Thông qua việc ký kết hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Việt Long.
Nghị quyết 11/2011/NQ-HĐQT	14/12/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo hoạt động kinh doanh 11 tháng đầu năm 2011 và dự kiến kết quả kinh doanh tháng 12/2011 và cả năm 2011. - Thông qua chủ trương kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2012 của Rông Việt. - Thông qua kế hoạch chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông năm 2012.



Ngoài ra, tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị đều xem xét, thảo luận và quyết định việc triển khai các nội dung kinh doanh theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

- Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty đạt hiệu quả và đúng pháp luật, đồng thời Hội đồng quản trị cũng luôn theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban.

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2011

Trong năm 2011, với nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt tham gia giám sát và đề xuất các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, cụ thể như sau:

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 và kế hoạch kinh doanh năm 2012;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011;
- Xem xét tính minh bạch và kịp thời của quá trình công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện đúng các Quy chế, quy định của Công ty.

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Rồng Việt tiếp tục hoàn thiện các nội dung về quản trị

công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (được ban hành kèm theo Quyết định số 12 ngày 13/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty, Hội đồng quản trị dự kiến sẽ thành lập các tiểu ban chuyên môn. Các tiểu ban và từng thành viên các tiểu ban được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực phù hợp với chuyên môn, có thể đưa ra những ý kiến chính xác, giúp Hội đồng quản trị ra quyết định đúng đắn, phù hợp với yêu cầu quản lý công ty và hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Nâng cao vai trò của Bộ phận kiểm soát nội bộ nhằm mục đích giúp Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc quản trị hiệu quả việc thực hiện các Điều lệ Công ty, các Quy chế, Chính sách, Nội quy, Quy định của Công ty, đồng thời phát hiện và dự báo những rủi ro kinh doanh trong bộ phận môi giới, dịch vụ chứng khoán và các rủi ro liên quan đến các mảng hoạt động khác của Công ty.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên triển khai mục tiêu, chiến lược từ lãnh đạo đến từng nhân viên, từng bộ phận chức năng trong Công ty để tất cả cán bộ công nhân viên đều thấu hiểu và thực thi chiến lược mục tiêu Công ty.

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của công ty

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thì thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 sẽ dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2011 hoạt động kinh doanh bị lỗ nên Công ty sẽ không chi trả chi phí, thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẮM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG.

STT	Họ và tên/ tên giao dịch đối với tổ chức	Số Giấy CMND/ ĐKKD	Số lượng, tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/2/2011 (*)		Số lượng, tỷ lệ sở hữu tại ngày 22/3/2012 (**)	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Ông Phạm Hữu Phú - Chủ tịch HĐQT	022439658	3.800.000	10,86%	3.800.000	10,86%
	Đại diện sở hữu cho NHTM CP XNK Việt Nam (EXIMBANK)	0301179079	3.800.000	10,86%	3.800.000	10,86%
2	Ông Nguyễn Miên Tuấn - Phó Chủ tịch HĐQT	260799742	567.100	1,62%	567.100	1,62%
	Sở hữu cá nhân		567.100	1,62%	567.100	1,62%
3	Ông Nguyễn Thúc Vinh - Thành viên HĐQT	022823356	802.330	2,29%	802.330	2,29%
	Sở hữu cá nhân		31.800	0,09%	31.800	0,09%
	Đại diện sở hữu cho Quỹ đầu tư chứng khoán tăng trưởng Việt Long	103/TB-UBCK	770.530	2,20%	770.530	2,20%
4	Ông Nguyễn Hữu Tú - Thành viên HĐQT	141824363	58.300	0,17%	58.300	0,17%
	Sở hữu cá nhân		58.300	0,17%	58.300	0,17%
5	Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh - Thành viên HĐQT	211645753	3.648.700	9,92%	3.648.700	9,92%
	Sở hữu cá nhân		0	0,00%	0	0,00%
	Đại diện sở hữu cho Công ty CP Đầu tư tài chính Sài Gòn - Á Châu	0303889980	3.468.700	9,92%	3.468.700	9,92%
Tổng cộng			8.876.430	25,38%	8.876.430	25,38%
II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT						
1	Ông Nguyễn Văn Minh Trưởng Ban Kiểm soát	214966531	0	0,00%	0	0,00%
2	Ông Tôn Thất Diên Khoa Thành viên Ban kiểm soát	024838600	5.300	0,02%	5.300	0,02%
	Sở hữu cá nhân		5.300	0,02%	5.300	0,02%
3	Ông Đào Công Thắng Thành viên Ban kiểm soát	022975304	4.770	0,01%	4.770	0,01%
	Sở hữu cá nhân		4.770	0,01%	4.770	0,01%
Tổng cộng			10.070	0,03%	10.070	0,03%
III THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC						
1	Ông Nguyễn Miên Tuấn - Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	260799742	567.100	1,62%	567.100	1,62%
	Sở hữu cá nhân		567.100	1,62%	567.100	1,62%
2	Ông Nguyễn Hiếu - Phó Tổng Giám đốc	024424031	33.920	0,10%	33.920	0,10%
	Sở hữu cá nhân		33.920	0,10%	33.920	0,10%
3	Ông Võ Duy Đạo - Phó Tổng Giám đốc	022681883	15.900	0,05%	15.900	0,05%
	Sở hữu cá nhân		15.900	0,05%	15.900	0,05%
4	Ông Nguyễn Minh Nhựt - Phó Tổng Giám đốc	024728372	5.300	0,02%	5.300	0,02%
	Sở hữu cá nhân		5.300	0,02%	5.300	0,02%
5	Ông Nguyễn Hữu Tú - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	141824363	58.300	0,17%	58.300	0,17%
	Sở hữu cá nhân		58.300	0,17%	58.300	0,17%
IV Tổng cộng			680.520	1,95%	680.520	1,95%
1 KẾ TOÁN TRƯỞNG						
	Ông Lê Minh Hiền - Kế Toán trưởng	024860484	47.700	0,14%	47.700	0,14%
	Sở hữu cá nhân		47.700	0,14%	47.700	0,14%
Tổng cộng			47.700	0,14%	47.700	0,14%

Ghi chú: (*) Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.

(**) Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2011.

(5), (7) tính trên vốn điều lệ 349.799.870.000 đồng.

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và những người liên quan

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Người liên quan	SLSH trước khi giao dịch	Thực hiện			SLSH sau GD	Tỷ lệ sở hữu sau GD (%)	
					Mua	Bán	Khác			Ngày thực hiện/kết thúc giao dịch
1	Quý Đầu tư Tăng trưởng Việt Long	NLQ	Nguyễn Thúc Vinh TVHĐQT	816.730		46.200		08/12/2010 – 06/02/2011	770.530	2,20%
2	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	NLQ	Nguyễn Thành Long Chủ tịch HĐQT	6.328.200		310.300		10/12/2010- 10/02/2011	6.017.900	17,20%
3	Quý Đầu tư Tăng trưởng Việt Long	NLQ	Nguyễn Thúc Vinh TVHĐQT	770.530		0		16/02/2011- 14/4/2011	770.530	2,20%
4	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	NLQ	Nguyễn Thành Long Chủ tịch HĐQT	6.017.900		2.217.900		15/02/2011	3.800.000	10,86%
5	CTCP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	CĐL		1.250.800	2.217.900			13/02/2011	3.468.700	9,92%



CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Thông tin chung về cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/03/2012 (ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011).

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	34.952.981	99,92%
	- Pháp nhân	13.325.393	38,09%
	- Cá nhân	21.627.588	61,83%
2	Cổ đông nước ngoài	27.006	0,08%
	- Pháp nhân	0	0,00%
	- Cá nhân	27.006	0,08%
	Tổng cộng	34.979.987	100,00%

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Họ và tên/ tên giao dịch đối với tổ chức	Số Giấy CMND/số giấy ĐKKD	Địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở chính	Số lượng CP sở hữu tại ngày 21/2/2011 (*)		Số lượng, tỷ lệ sở hữu tại ngày 22/3/2012 (**)	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	0301179079	Số 7, Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	3.800.000	10,86	3.800.000	10,86
2	CTCP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	0303889980	141 Nguyễn Du, Q. 1, TP. HCM	3.468.700	9,92	3.468.700	9,92
3	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV	0300100037	275B Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. HCM	2.575.800	7,36	2.575.800	7,36
4	CTCP Cung ứng Tàu biển Sài Gòn	0301054182	2A Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM	2.576.595	7,37	2.576.595	7,37
	Tổng Cộng			12.421.095	35.51	12.421.095	35.51

Ghi chú: (*) Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.

(**) Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2011.

(6),(8) tính trên vốn điều lệ 349.799.870.000 đồng.

CỔ ĐÔNG SẢNG LẬP

STT	Họ và tên/ tên giao dịch đối với tổ chức	Số Giấy CMND/số giấy ĐKKD	Địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở chính	Số lượng, tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/2/2011		Số lượng, tỷ lệ sở hữu tại ngày 22/3/2012 (*)	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	0301179079	Số 7, Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM	3.800.000	10,86	3.800.000	10,86
2	CTCP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	0303889980	141 Nguyễn Du, Quận 1, TP. HCM	3.468.700	9,92	3.468.700	9,92
3	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	0300100037	275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM	2.575.800	7,36	2.575.800	7,36
4	Ông Nguyễn Miên Tuấn	260799742	308/9 Hoàng Văn Thụ, P.4, Q. Tân Bình, TP. HCM	567.100	1,62	567.100	1,62
5	Ông Nguyễn Vạn Lý	020399006	20/C76 Đường 3/2, P12, Q10, TP.HCM	530.000	1,52	530.000	1,52
Tổng Cộng				10.941.600	31,28	10.941.600	31,28

Ghi chú: (*) Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.
 (**) Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2011.
 (6),(8) tính trên vốn điều lệ 349.799.870.000 đồng.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần tại công ty: không có.
2. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức: không có.
3. Tình hình đầu tư vào công ty có liên quan: không có.





Quan hệ nhà đầu tư (IR)

Tại Rong Viet, quan hệ nhà đầu tư được chúng tôi đánh giá là công tác quan trọng trong việc truyền thông và chăm sóc nhà đầu tư. Rong Viet cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin quan trọng và cần thiết liên quan đến các hoạt động và dịch vụ của công ty.

RONGVIET SECURITIES Sitemap | Tiếng Việt | English

Trang chủ | Rong Viet | Tin tức | **Quan hệ nhà đầu tư** | Công cụ đầu tư | Phân tích | Hỗ trợ

Quan hệ nhà đầu tư

Thông tin tài chính
 Báo cáo thường niên
Thông tin cổ đông
 Dữ liệu giao dịch
 Lịch chi trả cổ tức
 Lịch sử tăng vốn
 Cơ cấu sở hữu
 Điều lệ
 Công bố thông tin
 Lịch sự kiện

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ
 HNX:VDS 3/27/2012

Giá hiện thời	Thay đổi	Giá mở cửa	Giá cao nhất trong ngày
6.500	▲ 0(0,00%)	6.200	6.300
		Khối lượng	Giá thấp nhất trong ngày
		60.700	6.100

Giá đóng cửa hôm trước

Thông kê cơ bản

Giá cao nhất 52 tuần	12.145
Giá thấp nhất 52 tuần	3.247
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.979.987
Vốn hóa thị trường	227
KLGD trung bình 10 ngày	11.938
EPS 4 quý gần nhất	-1353
ROA (2010)	2.85%
ROE (2010)	7.56%
P/E	-

VDS 27/03/2012
 7K
 5K
 3K
 1K
 0M
 4/11/11 12/01/12 27/03/12

Bảng giá trực tuyến
 LiveDragon
 Giao dịch trực tuyến
 iDragon
 Giao dịch trên ĐTDD
 mDragon
 Tra cứu bảng tin nhân
 SMSDragon
 Hệ thống Call center
 CallDragon
 Hướng dẫn Nhà Đầu tư
 Investor guidance



Nhà đầu tư có thể xem trực tuyến và tải các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, thông tin cổ đông và những thông tin liên quan tại trang web www.vdsc.com.vn. Ngoài ra, nhà đầu tư còn có thể liên hệ với Rong Viet qua số điện thoại: +84 8 6299 2006 hoặc email: info@vdsc.com.vn

Đào tạo nhân viên

Công ty luôn chú ý nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự thông qua việc duy trì chính sách đào tạo hàng năm, từ đào tạo tại chỗ đến đào tạo từ xa, với nhiều nội dung chuyên sâu như: đào tạo lại và bồi dưỡng kỹ năng quản lý, nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh.

Tổ chức đào tạo và tham quan thực tế cho sinh viên các trường đại học

Trong năm 2011, Rồng Việt đã đón tiếp các sinh viên từ nhiều trường đại học trong và ngoài nước đến tham quan và học tập về thị trường tài chính, chứng khoán. Ngày 04/10/2011, công ty đã đón đoàn sinh viên Học viện Ngee Ann Polytechnic (Singapore) đến tham quan và tìm hiểu về thị trường chứng khoán. Đây là lần thứ 2 sinh viên Học viện Ngee Ann tham quan và học tập tại Rồng Việt.

Tham gia các chương trình vì cộng đồng

Công ty luôn chú trọng tham gia các hoạt động vì cộng đồng do Liên đoàn Lao động Quận 1 phát động như: Chương trình văn nghệ gây quỹ chăm lo CNVC-LĐ có hoàn cảnh khó khăn dịp tết nguyên đán, Chương trình gây quỹ “Vì người nghèo”. Cán bộ nhân viên cũng tham gia Chương trình đi bộ và hiến máu nhân đạo “Vì nạn nhân chất độc màu da cam” do Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam phát động.

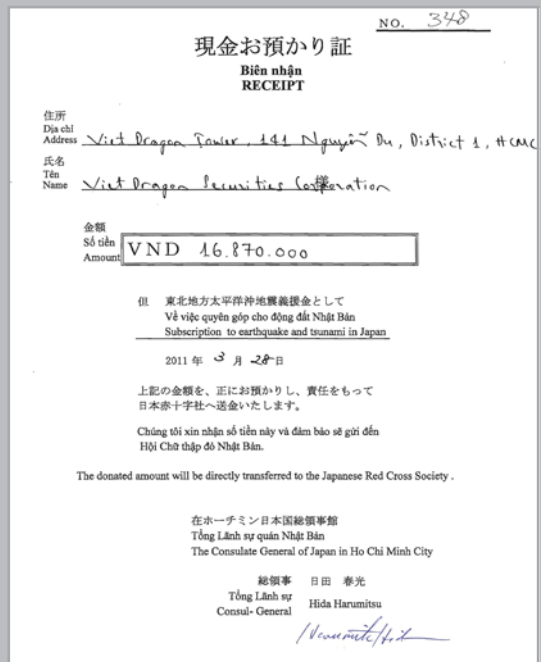
Bên cạnh đó, đáp lại lời kêu gọi của nhân dân và Chính phủ Nhật Bản sau thảm họa kép động đất sóng thần xảy ra vào ngày 11/03/2011, toàn thể cán bộ nhân viên Rồng Việt đã đóng góp chút tấm lòng để chia sẻ khó khăn với nhân dân Nhật Bản khắc phục hậu quả thiên tai. Tổng số tiền đóng góp 16.870.000 đồng đã được công ty gửi đến văn phòng Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại TP. Hồ Chí Minh.

Tham gia chương trình “Góp đá xây Trường Sa”

Tháng 7/2011, cán bộ nhân viên Rồng Việt đã tích cực ủng hộ chương trình “Góp đá xây Trường Sa” do báo Tuổi trẻ phát động với số tiền 17 triệu đồng. Tham gia chương trình, công ty muốn góp phần giúp các chiến sĩ hải quân có điểm tựa vững chắc trên biển và thể hiện tinh thần yêu nước của mỗi người dân.

Đem niềm vui Tết đến cho các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn

Để mang đến niềm vui cho các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, ngày 08/01/2012, công ty đã tổ chức chuyến thăm và tặng quà cho trẻ em tại Trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, khuyết tật Tam Bình. Đoàn Rồng Việt đã đến thăm hỏi, chúc sức khỏe và tặng quà cho cán bộ và các trẻ em ở trung tâm với 17 triệu đồng tiền mặt và 2,5 triệu đồng tiền quà. Rồng Việt hy vọng góp thêm niềm vui cho các trẻ em và các cán bộ của trung tâm trong những ngày đầu năm mới.



CHUYÊN NGHIỆP



Chúng tôi luôn mong muốn cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng cho quý khách hàng với mức độ chuyên nghiệp cao nhất.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo tài chính này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các Giấy phép điều chỉnh sau:

Giấy phép điều chỉnh số	Nội dung điều chỉnh	Ngày
32/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng	Ngày 15 tháng 8 năm 2007
147/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng	Ngày 8 tháng 8 năm 2008
312/UBCK-GP	Chuyển trụ sở chính	Ngày 11 tháng 3 năm 2010
347/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng	Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 đường Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 312/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 3 năm 2010 và có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch
Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Vạn Lý	Thành viên
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tôn Thất Diên Khoa	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Đào Công Thắng	Thành viên

Ban tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Miên Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Duy Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Nhựt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc



Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thành Long - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Trách nhiệm của ban tổng giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công bố của ban tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Rông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rông Việt (“Công ty”), được trình bày từ trang 4 đến trang 46 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai Viết Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0048/KTV

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0923/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 08 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		872.637.772.298	961.003.143.409
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	188.615.436.519	224.840.236.892
111	1. Tiền		188.615.436.519	194.840.236.892
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		113.080.729.079	263.570.606.120
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	207.189.713.737	285.666.438.543
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(94.108.984.658)	(22.095.832.423)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	567.100.002.139	469.722.751.963
131	1. Phải thu của khách hàng		86.000.000	62.500.000
132	2. Trả trước cho người bán		61.370.745	4.190.937.000
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		380.951.502.238	463.785.877.802
138	4. Các khoản phải thu khác		195.751.650.918	3.661.645.639
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(9.750.521.762)	(1.978.208.478)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.841.604.561	2.869.548.434
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		951.385.225	1.924.849.188
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		2.890.219.336	944.699.246
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		39.891.434.368	121.155.230.812
220	I. Tài sản cố định		22.055.198.160	20.750.237.721
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	13.560.453.813	10.045.642.671
222	Nguyên giá		29.680.383.848	21.958.379.714
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.119.930.035)	(11.912.737.043)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.165.072.347	1.175.132.676
228	Nguyên giá		9.979.026.036	2.006.243.536
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.813.953.689)	(831.110.860)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	12	329.672.000	9.529.462.374
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	81.879.094.150
258	1. Đầu tư dài hạn khác	6.1	-	85.582.294.150
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7	-	(3.703.200.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		17.836.236.208	18.525.898.941
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.652.914.653	3.670.329.193
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	25.3	6.384.932.543	6.384.932.543
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	14	5.464.182.780	3.547.518.159
268	4. Tài sản dài hạn khác	15	3.334.206.232	4.923.119.046
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		912.529.206.666	1.082.158.374.221



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		649.199.961.159	692.486.665.118
310	I. Nợ ngắn hạn		648.445.843.159	691.566.860.118
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	450.441.572.364	521.243.128.849
312	2. Phải trả người bán		492.460.334	226.464.844
313	3. Người mua trả tiền trước		718.326.410	873.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	275.552.508	1.783.634.207
315	5. Phải trả người lao động		12.462.026	241.000.024
316	6. Chi phí phải trả	18	29.389.153.948	6.531.182.134
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	114.097.618.728	65.623.068.557
321	8. Trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.595.362.086	3.280.716.996
328	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	50.423.334.755	91.764.664.507
330	II. Nợ dài hạn		754.118.000	919.805.000
336	1. Dự phòng trợ cấp thôi việc		754.118.000	919.805.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		263.329.245.507	389.671.709.103
410	I. Vốn chủ sở hữu		263.329.245.507	389.671.709.103
411	1. Vốn cổ phần	21.1	349.799.870.000	349.799.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.476.130.000	33.476.130.000
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275
419	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275
420	5. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(124.261.071.043)	2.081.392.553
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		912.529.206.666	1.082.158.374.221

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Mã số	CHỈ TIÊU	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
006	1. Chứng khoán lưu ký	4.147.492.340.000	2.989.344.440.000
	Trong đó:		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	3.154.959.900.000	2.156.111.360.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	4.932.750.000	28.672.790.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	3.138.843.240.000	2.104.968.240.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	11.183.910.000	22.470.330.000
011	1.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	26.072.250.000	174.787.810.000



VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
013	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
014	1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	26.072.250.000	174.787.810.000
015	1.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
016	1.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	1.3. Chứng khoán cầm cố	135.442.390.000	124.343.580.000
018	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	38.452.900.000	12.596.900.000
019	1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	96.989.490.000	111.746.680.000
020	1.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	1.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
027	1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	83.510.800.000	31.136.500.000
028	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	142.000.000	-
029	1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	83.368.800.000	30.804.500.000
030	1.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	332.000.000
031	1.4.4. Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	-	-
037	1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	230.451.030.000	2.870.980.000
038	1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	1.120.000	620.000
039	1.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	230.437.510.000	2.813.960.000
040	1.5.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	12.400.000	56.400.000
041	1.5.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	1.6. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	517.055.970.000	500.094.210.000
043	1.6.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	-	-
044	1.6.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	517.055.970.000	500.094.210.000
045	1.6.3. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	-	-
046	1.6.4. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
050	2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	93.066.150.000	91.115.740.000
	Trong đó:		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	90.601.750.000	87.663.790.000
052	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	840.000	-
053	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	90.600.910.000	87.663.790.000
054	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
055	2.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
056	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	2.350.400.000	2.291.320.000
057	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	2.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	2.350.400.000	2.291.320.000
059	2.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
060	2.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
071	2.3. Chứng khoán chờ thanh toán	114.000.000	1.160.630.000
072	2.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	2.3.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	114.000.000	1.160.630.000
074	2.3.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	2.3.4. Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	-	-
083	3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	25.159.960.000	107.189.760.000

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 08 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	22	161.572.471.207	198.624.156.247
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		16.070.926.153	36.168.366.329
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		13.651.925.282	92.296.235.873
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	3.934.211.500
01.5	Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư		112.135.250.036	52.889.496.851
01.9	Doanh thu khác		19.714.369.736	13.335.845.694
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		161.572.471.207	198.624.156.247
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	(231.426.652.724)	(115.398.124.106)
20	5. (Lỗ) lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(69.854.181.517)	83.226.032.141
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(58.530.812.303)	(57.724.698.959)
30	7. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(128.384.993.820)	25.501.333.182
31	8. Thu nhập khác		2.799.466.826	1.858.582.170
32	9. Chi phí khác		(756.936.602)	(427.366.378)
40	10. Lợi nhuận khác		2.042.530.224	1.431.215.792
50	11. Tổng (lỗ) lợi nhuận trước thuế		(126.342.463.596)	26.932.548.974
51	12. Thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.3	-	(5.993.928.804)
60	14. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(126.342.463.596)	20.938.620.170
70	15. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(3.612)	599

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	(Lỗ) lợi nhuận trước thuế		(126.342.463.596)	26.932.548.974
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao TSCĐ và phân bổ	10,11,13	6.454.115.601	5.786.847.967
03	Các khoản lập dự phòng	7,9	76.082.265.519	(1.277.849.957)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.847.246.422)	(35.801.058.620)
06	Chi phí lãi vay	23	120.904.607.213	42.841.828.479
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		64.251.278.315	38.482.316.843
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		14.086.908.093	(277.402.249.617)
10	Giảm chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn		43.552.909.506	70.204.074.786
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(10.790.079.626)	2.639.568.996
12	Giảm (tăng) các khoản chi phí trả trước		973.463.963	(5.203.777.547)
13	Lãi vay đã trả		(97.560.341.225)	(40.884.286.255)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(165.687.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh chứng khoán		14.348.452.026	(212.164.352.794)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(6.741.661.500)	(18.379.675.877)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		43.181.813	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	(203.046.388.200)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	157.376.957.600
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.800.430.609	8.520.195.070

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		5.101.950.922	(55.528.911.407)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn	16	1.482.589.600.851	1.012.376.356.838
34	Trả tiền vay ngắn hạn	16	(1.553.391.157.336)	(741.133.227.989)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(70.801.556.485)	271.243.128.849
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(51.351.153.537)	3.549.864.648
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	75.529.255.044	71.979.390.396
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	24.178.101.507	75.529.255.044

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 08 tháng 03 năm 2012



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2010	Ngày 01 tháng 01 năm 2011	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn cổ phần		330.000.000.000	349.799.870.000	19.799.870.000	-	-	-	349.799.870.000	349.799.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		53.276.000.000	33.476.130.000	-	(19.799.870.000)	-	-	33.476.130.000	33.476.130.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275	-	-	-	-	2.157.158.275	2.157.158.275
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275	-	-	-	-	2.157.158.275	2.157.158.275
5. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(18.857.227.617)	2.081.392.553	20.938.620.170	-	-	(126.342.463.596)	2.081.392.553	(124.261.071.043)
Cộng		368.733.088.933	389.671.709.103	40.738.490.170	(19.799.870.000)	-	(126.342.463.596)	389.671.709.103	263.329.245.507

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 08 tháng 03 năm 2012



1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và theo các Giấy phép điều chỉnh như sau:

Giấy phép điều chỉnh số	Nội dung điều chỉnh	Ngày
32/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng	Ngày 15 tháng 8 năm 2007
147/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng	Ngày 08 tháng 8 năm 2008
312/UBCK-GP	Chuyển trụ sở chính	Ngày 11 tháng 3 năm 2010
347/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng	Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 đường Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 312/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 3 năm 2010 và có chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng vốn điều lệ của Công ty là 349.799.870.000 đồng.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập các báo cáo tài chính này như sau:

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch
Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Vạn Lý	Thành viên
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập các báo cáo tài chính này như sau:

Ông Tôn Thất Diên Khoa	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Đào Công Thắng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập các báo cáo tài chính này như sau:

Ông Nguyễn Miên Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Duy Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Nhựt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 đường Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công ty có 1 trụ sở chính, 4 chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 200 người (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 272 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra, không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.



3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tuân thủ theo các CMKTVN và Hệ thống Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các CMKTVN và Hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

3.2 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính như được trình bày trong Thuyết minh số 29.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm tin học	6 - 8 năm
Tài sản vô hình khác	5 năm

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến năm (5) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

3.10 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.10.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại. Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.



3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.10.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn (tiếp theo)

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

3.10.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn, hoặc;
- Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

3.10.3 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

3.11.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.11.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn (tiếp theo)

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.11.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

3.12 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Lợi ích của nhân viên

3.14.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 16,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.14.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.



3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.14.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.19 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh.

3.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
		VNĐ
Tiền mặt	73.930.976	544.487.610
Tiền gửi ngân hàng	87.602.430.701	192.207.155.114
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	100.939.074.842	2.088.594.168
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	188.615.436.519	224.840.236.892

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản sau:

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
		VNĐ
Tiền mặt	73.930.976	544.487.610
Tiền gửi ngân hàng	87.602.430.701	192.207.155.114
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	100.939.074.842	2.088.594.168
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	188.615.436.519	224.840.236.892
Trừ:		
Tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 19)	(113.994.676.000)	(57.628.691.000)
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 19)	(50.377.695.112)	(91.556.578.998)
Cổ tức của nhà đầu tư	(64.963.900)	(125.711.850)
	(164.437.335.012)	(149.310.981.848)
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	24.178.101.507	75.529.255.044



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Đơn vị cổ phiếu	VND
Của Công ty	14.575.368	356.908.246.068
Cổ phiếu	14.575.368	356.908.246.068
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
Của nhà đầu tư	607.884.273	8.745.283.036.100
Cổ phiếu	607.884.273	8.745.283.036.100
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
TỔNG CỘNG	622.459.641	9.102.191.282.168

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Tình hình tăng giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)	285.666.438.543	149.305.560.631	227.782.285.437	207.189.713.737
Đầu tư dài hạn khác	85.582.294.150	-	85.582.294.150	-
TỔNG CỘNG	371.248.732.693	149.305.560.631	313.364.579.587	207.189.713.737



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

6.2 Đầu tư ngắn hạn

VND

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường (*)	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	Tăng		Giảm		31/12/2011	31/12/2010
					31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010		
Cổ phiếu niêm yết										
Công ty CP Cơ giới Lắp máy và Xây dựng (VMC)	504.400	487.700	29.022.557.970	28.468.727.970	-	110.492.030	(21.456.557.970)	-	7.566.000.000	28.579.220.000
Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương (KSB)	410.140	410.130	28.313.092.237	29.108.405.837	-	-	(13.096.898.237)	(3.680.345.837)	15.216.194.000	25.428.060.000
Công ty CP SXKD XNK DV và Đầu tư Tân Bình - Tanimex (TIX)	966.434	500.416	24.841.189.295	29.893.465.835	-	-	(8.121.881.095)	(6.874.329.835)	16.719.308.200	23.019.136.000
Công ty CP ĐT Năm Bảy Bảy (NBB)	256.243	418.673	20.397.740.347	35.366.669.404	-	1.476.554.596	(7.867.457.647)	-	12.530.282.700	36.843.224.000
Công ty CP Vận Tải Biển Vinaship (VNA)	771.560	703.720	12.583.358.746	14.576.160.246	-	-	(9.728.586.746)	(3.949.988.246)	2.854.772.000	10.626.172.000
Công ty CP MT Gas (MTG)	676.290	734.290	9.268.702.269	10.063.605.029	-	-	(7.307.461.269)	(3.308.137.029)	1.961.241.000	6.755.468.000
Công ty CP Mía đường Lam Sơn (LSS)	165.205	208.480	4.653.646.052	7.302.736.861	-	98.303.139	(1.299.984.552)	-	3.353.661.500	7.401.040.000
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (HBB)	378.002	-	3.780.078.019	-	-	-	(2.192.469.619)	-	1.587.608.400	-
Quý ĐT Năng Động Việt Nam (VFA)	200.000	200.000	2.030.000.000	2.030.000.000	-	-	(1.010.000.000)	(170.000.000)	1.020.000.000	1.860.000.000
Công ty CP Xây dựng Số 5 (SC5)	4.826	24.121	230.304.138	1.381.328.963	-	-	(191.213.538)	(452.670.463)	39.090.600	928.658.500
Tổng Công ty CP Xây Lắp Dầu Khí VN (PVX)	56	348.045	510.108	7.627.446.004	-	64.348.496	(134.908)	-	375.200	7.691.794.500
Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà Intresco (ITC)	9	150.009	232.239	3.869.015.013	-	-	(166.539)	(148.791.813)	65.700	3.720.223.200
Công ty CP Đại lý liên hiệp vận chuyển (GMD)	8	145.022	157.778	5.176.299.600	-	-	(14.578)	(361.569.200)	143.200	4.814.730.400
Khác	7.488	7.014	151.299.539	182.117.481	2.740.421	-	(77.357.960)	-	76.682.000	182.117.481
TỔNG CỘNG	4.340.661	4.337.620	135.272.868.737	175.045.978.243	2.740.421	1.749.698.261	(72.350.184.658)	(18.945.832.423)	62.925.424.500	157.849.844.081

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

6.2 Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

VNĐ

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường (*)	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	Tăng		Giảm		31/12/2011	31/12/2010
					31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010		
Cổ phiếu chưa niêm yết										
Công ty Cổ phần Dược Phú Yên (PYMEPHARCO)	505.996	505.996	33.146.845.000	33.146.845.000	754.887.000	-	-	-	33.901.732.000	33.146.845.000
Công ty Cổ phần Sản phẩm Thủy tinh Việt Nam (SANHSUTTVN)	475.000	250.000	12.500.000.000	12.500.000.000	-	-	(6.800.000.000)	(1.500.000.000)	5.700.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Âu Lạc (AULAC)	195.000	195.000	11.400.000.000	11.400.000.000	-	-	(9.060.000.000)	(1.650.000.000)	2.340.000.000	9.750.000.000
Quý Đầu tư Tăng trưởng Việt Long (VLF)	800.000	-	8.120.000.000	-	-	-	(4.728.800.000)	-	3.391.200.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú (DORUFOAM)	450.000	-	4.500.000.000	-	900.000.000	-	-	-	5.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER)	90.000	90.000	2.250.000.000	2.250.000.000	-	-	(1.170.000.000)	-	1.080.000.000	2.250.000.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim (EXIMLAND)	-	3.050.000	-	47.543.815.300	-	-	-	-	-	47.543.815.300
TỔNG CỘNG	2.515.996	4.090.996	71.916.845.000	106.840.660.300	1.654.887.000	-	(21.758.800.000)	(3.150.000.000)	51.812.932.000	103.690.660.300
Trái phiếu										
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	-	37.798	-	3.779.800.000	-	-	-	-	-	3.779.800.000
TỔNG CỘNG		37.798	-	3.779.800.000	-	-	-	-	-	3.779.800.000

(*) Đối với các chứng khoán vốn chưa niêm yết thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

**7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN**

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	94.108.984.658	22.095.832.423
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	72.350.184.658	18.945.832.423
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	21.758.800.000	3.150.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	3.703.200.000
TỔNG CỘNG	94.108.984.658	25.799.032.423

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	25.799.032.423	29.055.090.858
Tăng trong năm (<i>Thuyết minh số 23</i>)	86.890.366.155	72.188.608.575
Hoàn nhập trong năm (<i>Thuyết minh số 23</i>)	(18.580.413.920)	(75.444.667.010)
Số cuối năm	94.108.984.658	25.799.032.423



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VNĐ

	Số dư đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu của khách hàng	62.500.000	-	-	148.000.000	(124.500.000)	86.000.000	-	-	-
2. Ứng trước cho người bán	4.190.937.000	-	-	2.846.309.345	(6.975.875.600)	61.370.745	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	463.785.877.802	-	-	2.656.587.569.653	(2.739.421.945.217)	380.951.502.238	-	11.081.325.030	7.772.313.284
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	201.812.289	-	-	10.957.461.916	(10.915.569.039)	243.705.166	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	-	-	-	870.261.953.985	(866.879.241.702)	3.382.712.283	-	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ và hợp tác đầu tư	463.584.065.513	-	-	1.775.150.183.752	(1.861.627.134.476)	377.107.114.789	-	11.081.325.030	7.772.313.284
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	-	-	217.970.000	-	217.970.000	-	-	-
4. Phải thu khác	3.661.645.639	-	1.978.208.478	331.700.492.608	(139.610.487.329)	195.751.650.918	-	1.978.208.478	1.978.208.478
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	1.438.639.742	-	-	158.231.197.010	(139.365.689.910)	20.304.146.842	-	-	-
- Khoản phải thu từ nhân viên	1.978.208.478	-	1.978.208.478	-	-	1.978.208.478	-	1.978.208.478	1.978.208.478
- Ủy thác đầu tư	-	-	-	172.026.294.150	-	172.026.294.150	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	1.003.634.000	-	1.003.634.000	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	244.797.419	-	-	439.367.448	(244.797.419)	439.367.448	-	-	-
TỔNG CỘNG	471.700.960.441	-	1.978.208.478	2.991.282.371.606	(2.886.132.808.146)	576.850.523.901	-	13.059.533.508	9.750.521.762



9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.978.208.478	-
Số trích lập trong năm (Thuyết minh số 24)	7.772.313.284	1.978.208.478
Số cuối năm	9.750.521.762	1.978.208.478

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ		
	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 1 tháng 1 năm 2011	18.128.696.614	3.829.683.100	21.958.379.714
Tăng trong năm	7.200.919.374	767.750.000	7.968.669.374
<i>Trong đó:</i>			
Mua trong năm	62.629.000	767.750.000	830.379.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành (Thuyết minh số 12)	7.138.290.374	-	7.138.290.374
Giảm do thanh lý	(246.665.240)	-	(246.665.240)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	25.082.950.748	4.597.433.100	29.680.383.848
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	7.801.829.226	-	7.801.829.226
Giá trị hao mòn:			
Ngày 1 tháng 1 năm 2011	10.437.065.619	1.475.671.424	11.912.737.043
Khấu hao trong năm	3.708.945.777	744.912.455	4.453.858.232
Giảm do thanh lý	(246.665.240)	-	(246.665.240)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	13.899.346.156	2.220.583.879	16.119.930.035
Giá trị còn lại:			
Ngày 1 tháng 1 năm 2011	7.691.630.995	2.354.011.676	10.045.642.671
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	11.183.604.592	2.376.849.221	13.560.453.813



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm tin học	Nhãn hiệu hàng hóa	Bản quyền bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác (*)	Tổng cộng
VNĐ					
Nguyên giá:					
Ngày 1 tháng 1 năm 2011	513.193.740	307.500.192	1.061.858.926	123.690.678	2.006.243.536
Mua trong năm	-	-	-	335.000.000	335.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành (Thuyết minh số 12)	7.637.782.500	-	-	-	7.637.782.500
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>8.150.976.240</u>	<u>307.500.192</u>	<u>1.061.858.926</u>	<u>458.690.678</u>	<u>9.979.026.036</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn:					
Ngày 1 tháng 1 năm 2011	84.117.372	15.375.009	680.358.031	51.260.448	831.110.860
Khấu hao trong năm	592.865.213	61.500.036	247.906.112	80.571.468	982.842.829
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>676.982.585</u>	<u>76.875.045</u>	<u>928.264.143</u>	<u>131.831.916</u>	<u>1.813.953.689</u>
Giá trị còn lại:					
Ngày 1 tháng 1 năm 2011	429.076.368	292.125.183	381.500.895	72.430.230	1.175.132.676
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>7.473.993.655</u>	<u>230.625.147</u>	<u>133.594.783</u>	<u>326.858.762</u>	<u>8.165.072.347</u>

(*) Tài sản vô hình khác bao gồm hệ thống bảng giá điện tử và các trang thông tin điện tử hỗ trợ cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Khoản mục này thể hiện các khoản chi phí mua phần mềm lõi chứng khoán và các chi phí trực tiếp khác liên quan đến việc triển khai xây dựng phần mềm lõi này để phục vụ cho quản lý hoạt động Công ty trong lĩnh vực chứng khoán, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	9.529.462.374	329.672.000
Tăng trong năm	5.576.282.500	9.199.790.374
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 10)	(7.138.290.374)	-
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 11)	(7.637.782.500)	-
Số dư cuối năm	329.672.000	9.529.462.374

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Chi phí trả trước trang thiết bị nội thất	1.806.858.691	2.514.173.911
Chi phí trả trước thi công, lắp đặt bảng hiệu, hệ thống cáp mạng, hệ thống điện, phần mềm	846.055.962	1.156.155.282
Tổng cộng	2.652.914.653	3.670.329.193

Tình hình phân bổ chi phí trả trước trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	3.670.329.193	214.612.295
Tăng trong năm	-	4.399.377.558
Phân bổ trong năm	(1.017.414.540)	(943.660.660)
Số dư cuối năm	2.652.914.653	3.670.329.193



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Sở giao dịch chứng khoán. Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/2005/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Số dư đầu năm	3.547.518.159	1.574.690.920
Tiền nộp bổ sung	1.737.236.485	1.830.703.078
Tiền lãi nhận được	179.428.136	142.124.161
Số dư cuối năm	5.464.182.780	3.547.518.159

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài khoản này thể hiện các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng trụ sở chính, chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh ở Hà Nội của Công ty.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Kỳ hạn tháng	Lãi suất (%/năm)	Số đầu năm (VNĐ)	Số vay trong năm (VNĐ)	Số trả trong năm (VNĐ)	Số cuối năm (VNĐ)
Vay ngân hàng						
Vay bổ sung vốn kinh doanh						
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn	1-12	20,50	130.000.000.000	153.051.966.904	(218.051.966.904)	65.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Hà Nội	3	20,50	-	70.000.000.000	(50.000.000.000)	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - SGD I	3-5	20,50	123.501.278.947	627.000.000.000	(686.501.278.947)	64.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Cần Thơ	3	20,50	-	95.000.000.000	(95.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Kiên Long	12	16,00-17,00	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Bắc Sài Gòn	12	16,00-17,00	75.000.000.000	-	(75.000.000.000)	-
Vay cá nhân						
Vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư	1-12	16,00-17,00	9.500.000.000	11.901.854.112	(20.371.854.112)	1.030.000.000
Vay của đối tượng khác						
Vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư						
Quỹ đầu tư EMA VN Fund	1	17,50	2.241.849.902	35.023.055.835	(37.264.905.737)	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	6	18,00	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	6	16,00	78.000.000.000	99.000.000.000	(2.000.000.000)	175.000.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Long	3	16,00	11.000.000.000	11.500.000.000	(22.500.000.000)	-
Công ty Cổ phần DVKD Vàng Kim Việt	12	16,15	-	380.112.724.000	(254.701.151.636)	125.411.572.364
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	2	15	40.000.000.000	-	(40.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG			521.243.128.849	1.482.589.600.851	(1.553.391.157.336)	450.441.572.364



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	243.064.492	1.567.000.265
Thuế giá trị gia tăng	32.488.016	216.404.432
Thuế khác	-	229.510
TỔNG CỘNG	275.552.508	1.783.634.207

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Lãi vay phải trả	25.924.599.877	2.580.333.889
Lương tháng 13	1.963.556.279	2.199.439.448
Chi phí môi giới, phí lưu ký chứng khoán	385.246.209	664.460.234
Hoa hồng đại lý	63.233.956	65.761.758
Các khoản khác	1.052.517.627	1.021.186.805
TỔNG CỘNG	29.389.153.948	6.531.182.134

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là khoản tiền giao dịch bù trừ của các giao dịch chứng khoán chờ đến ngày thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các hoạt động giao dịch chứng khoán khác phải trả.

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	113.994.676.000	57.628.691.000
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Công ty	-	6.627.613.000
Tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	-	297.180.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán khác	102.942.728	1.069.584.557
TỔNG CỘNG	114.097.618.728	65.623.068.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	35.228.518	99.091.889
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	50.377.695.112	91.556.578.998
Phải trả khác	10.411.125	108.993.620
TỔNG CỘNG	50.423.334.755	91.764.664.507

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Vốn cổ phần

Chi tiết thành phần cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp VNĐ	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.800.000	38.000.000.000	10,86%
Công ty Cổ phần Cung ứng Tàu biển Sài Gòn	2.576.595	25.765.950.000	7,37%
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	2.575.800	25.758.000.000	7,36%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	3.468.700	34.687.000.000	9,92%
	12.421.095	124.210.950.000	38,65%
Các cổ đông khác	22.558.892	225.588.920.000	61,35%
TỔNG CỘNG	34.979.987	349.799.870.000	100,00%

21.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	34.979.987	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.979.987	34.979.987
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu phổ thông	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu phổ thông	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu ưu đãi	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

22. DOANH THU

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		
Doanh thu môi giới chứng khoán	16.070.926.153	36.168.366.329
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	13.651.925.282	92.296.235.873
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	3.934.211.500
Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư	112.135.250.036	52.889.496.851
Doanh thu khác	19.714.369.736	13.335.845.694
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	161.572.471.207	198.624.156.247

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	120.904.607.213	42.841.828.479
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	18.856.712.479	46.233.438.478
Chi phí nhân viên	15.960.544.775	18.252.922.712
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.909.145.516	6.515.907.033
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	2.011.566.019	1.319.709.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.150.758.673	259.444.172
Chi phí bằng tiền khác	433.027.268	239.410.954
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	124.521.128	780.049.109
Chi phí tư vấn tài chính	76.409.090	62.000.000
Chi phí bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	1.036.653.600
Chi phí khác	689.408.328	1.112.818.322
	163.116.700.489	118.654.182.541
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	86.890.366.155	72.188.608.575
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(18.580.413.920)	(75.444.667.010)
TỔNG CỘNG	231.426.652.724	115.398.124.106

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.460.251.582	24.372.185.331
Chi phí nhân viên	17.922.755.162	18.340.485.219
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.772.313.284	1.978.208.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.285.942.388	4.583.743.135
Chi phí bằng tiền khác	3.024.800.876	3.447.980.790
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	1.487.419.654	1.518.214.077
Chi phí khác	2.577.329.357	3.483.881.929
TỔNG CỘNG	58.530.812.303	57.724.698.959

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất là 25% lợi nhuận tính thuế trong năm. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm như sau:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	5.993.928.804
TỔNG CỘNG	-	5.993.928.804



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế khác với (lỗ) thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Công ty ước tính mức thuế TNDN trong năm 2011 được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
		VNĐ
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(126.342.463.596)	26.932.548.974
Trừ:		
Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(12.804.064.609)	(8.520.195.070)
Cộng:		
Các khoản chi phí khác không được khấu trừ	9.689.847.337	4.825.452.254
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	(129.456.680.868)	23.237.806.158
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(23.237.806.158)
(Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	(129.456.680.868)	-

25.2 Chuyển lỗ

Theo qui định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 154.996.411.041 VNĐ có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 31/12/2011	Số không được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2011
2008	2013	94.430.567.580	(68.152.928.351)	(737.909.056)	25.539.730.173
2011	2016	129.456.680.868	-	-	129.456.680.868
		<u>223.887.248.448</u>	<u>(68.152.928.351)</u>	<u>(737.909.056)</u>	<u>154.996.411.041</u>



25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	6.384.932.543	6.384.932.543	-	5.993.928.804
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			-	5.993.928.804

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có thêm khoản lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai là 129.456.680.868 VNĐ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này do Công ty chưa chắc chắn về khả năng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế để sử dụng tài sản thuế này trong tương lai.

26. (LỖ) LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(126.342.463.596)	20.938.620.170
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.979.987	34.979.987
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.612)	599



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

27. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Tổng quỹ lương	33.883.299.937	36.593.407.931
Tiền thưởng	1.603.572.005	1.939.327.000
Tổng thu nhập	35.486.871.942	38.532.734.931
Tiền lương bình quân (tháng/người)	11.964.44	11.211.216
Thu nhập bình quân (tháng/người)	12.530.675	11.805.372

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông	Lãi tiền gửi	14.877.185.549
		Vay ngắn hạn	945.051.966.904
		Thanh toán vay ngắn hạn	1.049.553.245.851
Quý Đầu tư Tăng trưởng Việt Long	Đối tác đầu tư	Vay ngắn hạn	11.500.000.000
		Thanh toán vay ngắn hạn	22.500.000.000
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra)	Cổ đông	Thanh toán vay ngắn hạn	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	Đối tác đầu tư	Vay ngắn hạn	99.000.000.000
		Thanh toán vay ngắn hạn	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	Cổ đông	Ủy thác đầu tư	51.500.000.000
		Hợp tác đầu tư	22.185.654.000

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông	Vay ngắn hạn	(149.000.000.000)
		Tiền gửi	16.578.357.901
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Long	Đối tác đầu tư	Phải thu ủy thác đầu tư	120.526.294.150
Công ty CP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	Cổ đông	Phải thu ủy thác đầu tư	51.500.000.000
		Phải thu nghiệp vụ hợp tác đầu tư	22.185.654.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	Đối tác đầu tư	Vay ngắn hạn	(175.000.000.000)



28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.2 Các cam kết hoạt động

Công ty thuê văn phòng cho trụ sở chính và chi nhánh dưới hình thức thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản thanh toán tiền thuê đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	11.924.620.165	1.053.055.037
Từ 1 đến 5 năm	39.660.230.172	3.735.670.271
Trên 5 năm	28.566.285.158	74.510.326.067
TỔNG CỘNG	80.151.135.495	79.299.051.375

28.3 Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Công ty trình bày các thuyết minh bổ sung dưới đây cho các công cụ tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 Hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.3 Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành:

- Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.3 Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bảng đối chiếu theo loại giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
Tài sản tài chính							
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu niêm yết	135.272.868.737	-	-	-	-	135.272.868.737	62.925.424.500
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	71.916.845.000	-	-	-	-	71.916.845.000	50.158.045.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác (*) (**)	-	-	576.850.523.901	-	-	576.850.523.901	567.100.002.139
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-	188.615.436.519	188.615.436.519	188.615.436.519
Tổng cộng	207.189.713.737	-	576.850.523.901	-	188.615.436.519	972.655.674.157	868.798.908.158
Nợ phải trả tài chính							
Vay và nợ (**)	-	-	-	-	450.441.572.364	450.441.572.364	450.441.572.364
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	-	-	-	-	114.097.618.728	114.097.618.728	114.097.618.728
Chi phí phải trả (**)	-	-	-	-	27.425.597.669	27.425.597.669	27.425.597.669
Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	-	-	-	-	54.983.601.585	54.983.601.585	54.983.601.585
Tổng cộng	-	-	-	-	646.948.390.346	646.948.390.346	646.948.390.346

(*) Các khoản phải thu bao gồm các khoản giao dịch ký quỹ với giá trị tài sản đảm bảo có thể thu hồi thấp hơn giá trị công ty đã giải ngân cho khách hàng. Công ty cũng chưa có cơ sở chắc chắn để xác định giá trị dự phòng hợp lý.

(**) Do các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý nên giá trị hợp lý trên được tính bằng giá gốc trừ dự phòng rủi ro (nếu có).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.3 Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này.
- Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng và các nợ phải trả tài chính khác, các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính, cũng như các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng phương pháp định giá phù hợp.

28.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.



28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi. Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ và nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 62.925.424.500 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 157.849.844.081 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 6.292.542.450 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 15.784.984.408 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 6.292.542.450 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 7.356.110.463 VNĐ).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng hợp tác đầu tư.

Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty đánh giá sự tập trung rủi ro tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

					VNĐ
	Bất kỳ thời điểm nào	Đến 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Vay ngắn hạn	-	175.441.572.364	275.000.000.000	-	450.441.572.364
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	114.097.618.728	-	-	114.097.618.728
Chi phí phải trả	-	1.500.997.792	25.924.599.877	-	27.425.597.669
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.313.688.496	50.423.334.755	492.460.334	754.118.000	54.983.601.585
	3.313.688.496	341.463.523.639	301.417.060.211	754.118.000	646.948.390.346
Ngày 31 tháng 12 năm 2010					
Vay ngắn hạn	-	105.000.000.000	416.243.128.849	-	521.243.128.849
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	65.623.068.557	-	-	65.623.068.557
Chi phí phải trả	-	4.331.742.686	-	-	4.331.742.686
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	95.172.754.458	-	-	95.172.754.458
	-	270.127.565.701	416.243.128.849	-	686.370.694.550

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Các khoản đảm bảo

Công ty có cầm cố, thế chấp các chứng khoán tự doanh cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 08 tháng 03 năm 2012

SÁNG TẠO



Chúng tôi học hỏi từ những kinh nghiệm của bản thân và thực tiễn trên thị trường chúng khoán để sáng tạo những giải pháp tốt nhất phục vụ quý khách hàng.



HIỆU QUẢ



Tất cả các hoạt động của chúng tôi nhằm mang lại hiệu quả và giá trị cao nhất cho khách hàng, cổ đông và người lao động.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RÔNG VIỆT

Viet Dragon Tower, 141 Nguyễn Du, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

T + 84 8 6299 2006
F + 84 8 6291 7986
E info@vdsc.com.vn
W www.vdsc.com.vn